



**VINAPLAST**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2013**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2014**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
**Năm báo cáo 2013**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
- Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh chưa điều chỉnh: 198.000.000.000 đồng  
(*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn điều lệ theo quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 của Bộ Công Thương: 194.289.130.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm mười ba ngàn đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.289.130.000 đồng
- Trụ Sở chính:
  - Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
  - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
  - Email: [VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn](mailto:VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn)
  - Website: [www.VINAPLAST.com.vn](http://www.VINAPLAST.com.vn)
- Địa điểm kinh doanh:
  - Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, Phường 02, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
  - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
  - Email: [VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn](mailto:VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn)
  - Website: [www.VINAPLAST.com.vn](http://www.VINAPLAST.com.vn)
- Văn phòng đại diện:
  - Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Tầng 6, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
  - Tel: (84-4) 22206091 – 22206097 – Fax: (84-4) 22206094
  - Email: [VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn](mailto:VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn)
  - Website: [www.VINAPLAST.com.vn](http://www.VINAPLAST.com.vn)

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập từ những năm 70, quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 3/1976 Công ty tạp phẩm (tiền thân của Công ty Nhựa Việt Nam) được

- thành lập với các sản phẩm chủ yếu bao gồm sản phẩm nhựa, da giày, chất tẩy rửa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm, ...
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển phù hợp với tình hình đổi mới của nền kinh tế, năm 1987, Công ty tạp phẩm đã được Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 421/CNn-TCCB ngày 01/12/1987 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm. Sản phẩm chính của Liên hiệp là sản phẩm nhựa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm.
  - Năm 1989, Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 437/CNn-TCLĐ ngày 11/11/1989 đổi tên Liên hiệp các Xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm thành Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa và lấy tên giao dịch là VINAPLAST.
  - Năm 1995, Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa được đổi tên thành Công ty Nhựa Việt Nam.
  - Năm 1996, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, Tổng Công ty Nhựa Việt Nam được hình thành tại Quyết định số 1189/QĐ-TCCB ngày 07/5/1996 bao gồm các doanh nghiệp Nhựa Nhà nước trực thuộc Trung ương với tên giao dịch vẫn được giữ nguyên là VINAPLAST, trong đó Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị nòng cốt để hình thành nên Tổng Công ty và thay thế Bộ Công nghiệp thực hiện vai trò quản lý ngành.
  - Năm 2003, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 thành lập Công ty Nhựa Việt Nam trên cơ sở bộ máy của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam (cũ), được kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
  - Ngày 23/09/2008 VINAPLAST chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 198.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh Giang cấp ngày 23/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/08/2013. Công ty đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Bộ Công Thương và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 194.289.130.000 đồng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669
6	In ấn.	1811
7	Quảng cáo.	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
12	Tái chế phế liệu.	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn thực phẩm	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080

Stt	Tên ngành	Mã ngành
26	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành Kinh doanh Việt Nam (Được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, số ĐKKD: 4106000201, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 28/6/2006)	

### 3.2 Địa bàn kinh doanh

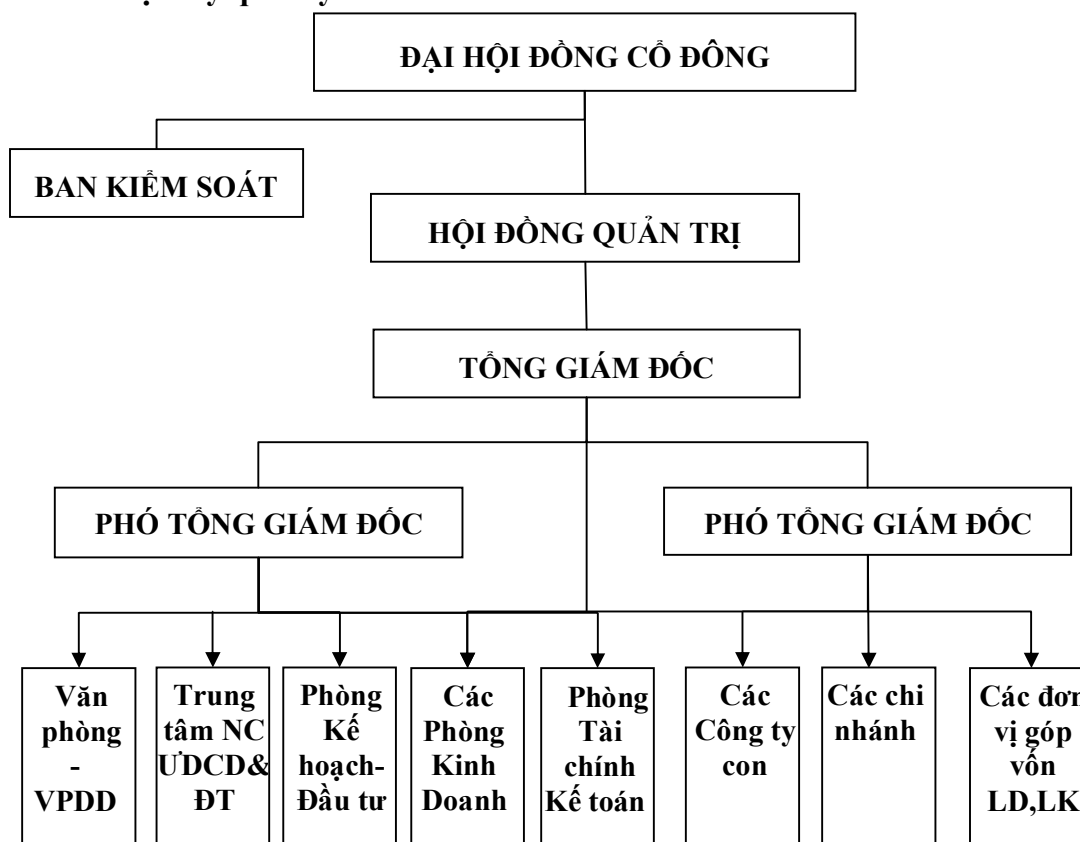
Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 4.1 Mô hình quản trị Công ty

- Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



### **4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết:**

#### **4.3.1 Các công ty con**

##### **4.3.1.1 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An**

- Địa chỉ: 18C Phạm Đình Hồ, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn sắt thép; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

##### **4.3.1.2 Công ty CP Nhựa Bắc Giang**

- Địa chỉ: Km01, Đường Hoàng Hoa Thám, TP.Bắc Giang
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán bao bì nhựa và giấy in, may bao bì các loại. Sản xuất, mua bán phụ gia, nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm từ nhựa và giấy. Mua bán các loại máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành sản xuất nhựa và giấy. Kinh doanh xăng dầu. Cho thuê hoặc thuê lại: Văn phòng, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi, đất đai
- Tỷ lệ vốn góp: 51% vốn điều lệ

##### **4.3.1.3 Công ty CP Nhựa Thăng Long**

- Địa chỉ: 360 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất chất phụ gia và hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước cấm); Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa; Sản xuất giày dép nhựa; Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa. Sản xuất thiết bị quang học bằng nhựa; Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa. Sản xuất bút

và các loại bút chì bằng cơ khí hoặc không. Sản xuất lõi bút chì; Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công nghiệp, gia dụng; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia, hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công nghiệp, gia dụng; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dụng cụ y tế bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ các sản phẩm của Công ty trong siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn sản phẩm quang học. Bán buôn sản phẩm nhựa gia dụng. Bán buôn dụng cụ thể dục thể thao bằng nhựa; Bán buôn dụng cụ y tế bằng nhựa. Bán buôn sản phẩm trò chơi, đồ chơi bằng nhựa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế bằng nhựa; Bán lẻ tủ, bàn, ghế trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy làm nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của nguyên liệu này; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị quang học; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất khung tranh ảnh bằng gỗ. Sản xuất khung tranh ảnh sơn dầu cho nghệ sỹ; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an – bum và các đồ

dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; In ấn; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm).

- Tỷ lệ vốn góp: 41,92% vốn điều lệ

#### **4.3.1.4 Công ty CP Nhựa Việt Phước**

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thi công sản phẩm từ Plastic; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán sản phẩm từ Plastic.
- Tỷ lệ vốn góp: 99,52% vốn điều lệ

#### **4.3.1.5 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một**

- Địa chỉ: 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm nhựa. Bán buôn phụ gia, hóa chất, dung môi, mực in ngành nhựa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

#### **4.3.1.6 Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam**

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phụ gia. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán buôn tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán lẻ sản phẩm từ nhựa. Bán lẻ phụ gia. Bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán lẻ dung môi, mực in phục vụ cho



ngành nhựa. Bán lẻ tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa, ngành giấy, ngành xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L, chữ I); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng. Bán buôn bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường hàng không, hóa lỏng khí để vận chuyển).

- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

### **4.3.2 Các công ty liên doanh**

#### **4.3.2.1 Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem**

- Địa chỉ: Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hạt nhựa PVC
- Tỷ lệ vốn góp: 27,51% vốn điều lệ

#### **4.3.2.2 Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina**

- Địa chỉ: Khu CN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa PVC.
- Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ

#### **4.3.2.3 Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina**

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất các sản phẩm được tái chế từ màng nhựa BOPP.
- Tỷ lệ vốn góp: 30% vốn điều lệ

### **4.3.3 Các công ty liên kết**

#### **4.3.3.1 Công ty CP Nhựa Tân Phú**

- Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và cung ứng các sản phẩm, bao bì bằng nhựa PET, PE, HDPE, PP, ... phục vụ cho ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông,

vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chuyên mua bán nguyên liệu, vật tư, sản xuất phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chế tạo thiết bị máy móc, khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa; In ấn trên bao bì nhựa. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

- Tỷ lệ vốn góp: 19,52% vốn điều lệ

#### **4.3.3.2 Công ty CP Nhựa Vân Đồn**

- Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, P.2, Q.4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: mua bán sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, vật tư sản xuất, máy móc thiết bị phụ tùng khuôn mẫu ngành nhựa; In bao bì; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trực in ngành nhựa; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo trực in ngành nhựa (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- Tỷ lệ vốn góp: 20,69% vốn điều lệ

#### **4.3.3.3 Công ty CP SX TM DV Nhựa Mộc Nghệ An**

- Địa chỉ: P.Vinh Tân, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy; Tái chế phế liệu nhựa (Trừ phế liệu Nhà nước cấm); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Buôn bán tổng hợp; Kinh doanh nhà trọ; Cho thuê kho, bãi đỗ xe, ki ốt bán hàng
- Tỷ lệ vốn góp: 49,00% vốn điều lệ

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu:**

#### **5.1.1 Giải quyết một phần việc mất cân đối về tài chính trong năm 2014 và giải quyết triệt để tình hình mất cân đối tài chính trong năm 2016**

- Khoanh, giãn nợ ODA
- Thoái vốn, bán vốn ở các công ty liên kết, liên doanh không hiệu quả, khó kiểm soát
- Giải thể các công ty con làm ăn không hiệu quả
- Kiểm soát và thu hồi công nợ

#### **5.1.2 Xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty tầm ngắn hạn (năm 2014)**

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.
- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Đẩy nhanh việc tái cấu trúc doanh nghiệp trên mọi phương diện
- Kiên quyết khắc phục những hạn chế đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2013, cụ thể:

##### **5.1.2.1 Công tác sản xuất:**

Tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, quản lý chất lượng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Trong đó công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất đảm bảo tuân thủ kỷ cương công nghệ nhằm ổn định chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư. Công ty cần tập trung đầu tư cho khâu này từ con người cho đến công nghệ, máy móc thiết bị...

Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư nâng cao năng lực công tác cán bộ, tay nghề cho công nhân.

#### *5.1.2.2 Công tác lao động tiền lương*

Tiếp tục rà soát sắp xếp, đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi làm việc tại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

#### *5.1.2.3 Công tác thị trường*

Lựa chọn, phát triển dòng sản phẩm mũi nhọn của Công ty, thường xuyên hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh (kinh doanh nguyên liệu nhựa, màng BOPP, chuỗi cách điện và kết bìa)

#### *5.1.2.4 Công tác tài chính*

Minh bạch rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

#### *5.1.2.5 Công tác đầu tư*

Dựa trên nguồn lực hiện có, triển khai các đề tài nghiên cứu và đầu tư chiều sâu, bổ sung thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho dự án sản xuất kết nhựa đáp ứng việc cung cấp kết cho Công ty Bia Sài Gòn, được đặt tại huyện Củ Chi - TP.Hồ Chí Minh.

#### *5.1.2.6 Công tác kế hoạch*

Cần phải có sự chuyển biến lớn trong công tác kế hoạch từ nhận thức đến hành động, từ cán bộ lãnh đạo đến cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và người lao động. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch là thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng bộ phận, đơn vị và của lãnh đạo đơn vị.

### **6. Các rủi ro:**

- Rủi ro lớn nhất của Công ty hiện nay là tính thanh khoản. Với số vốn điều lệ được xây dựng từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần là 198.000.000.000 đồng. Trong khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại nên rất cần vốn và việc

góp vốn vào các công ty liên doanh doanh liên kết được kế thừa từ trước khi cổ phần hóa. Hiện nay, Công ty mất cân đối tài chính, áp lực lãi vay ngân hàng lớn, đặc biệt với hoạt động cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nợ đến hạn. Ngoài ra, vốn đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi cổ tức thu về từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.

- Thay đổi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tín dụng...
- Biến động chênh lệch tỷ giá (đồng USD, CNY)...
- Rủi ro về biến động về giá nguyên liệu nhựa, thu hồi công nợ....

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Nội dung	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	903.443	492.693	54,54 %
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.803	-22.384	0
Cổ tức	%	5	0	0

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

##### 2.1.1 Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
	Phó chủ tịch (đến ngày 28 /06/2013)
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 06 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Đào Duy Kha	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Bà Cán Thị Thu Hà	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 /06/2013)

##### 2.1.1.1 Ông Lê Hoàng

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/7/1961
- Nơi sinh: Hà Nội

- CMND: 001061000600 cấp ngày 20/12/2013 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 116 Yên Phụ - Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Từ 1984 đến 1993	Cán bộ kế toán Công ty tạp phẩm – Liên hiệp SX – XNK Nhựa – Tổng Cty Nhựa Việt Nam.
Từ 1994 đến T5/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Nhựa Thăng Long – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 06/2004 đến 11/2004	Phó Giám đốc Nhà máy nhựa Thăng Long
Từ 12/2004 đến 6/2013	Giám đốc Công ty CP Nhựa Thăng Long, Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 6/2013 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 3/2008 đến 6/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 2009 đến nay	Đại diện phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 11/2009 đến 6/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 12/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An.
Từ 8/2011 đến T7/2013	Chủ tịch HĐQT Cty CP SX – TMDV Nhựa, Mộc Nghệ An
Từ 28/6/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ T8/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên HĐQT Youlchon Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An

- Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Thăng Long
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
- Thành viên HĐQT Youlchon Vina.
- Số CP nắm giữ: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **2.1.1.2 Ông Phan Trung Nam**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế Toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/6/1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 023538814 cấp ngày 14/6/2008 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: KA25D Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 08/2006 đến 12/2010	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST
Từ 01/2011 đến 9/2013	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 10/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 10/2010 đến nay	Ủy viên BCH Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
Từ 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước
- Số CP nắm giữ: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73 % vốn điều lệ.
  - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **2.1.1.3 Bà Vũ Thị Minh Thục**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001179000982 cấp ngày 27/11/2013 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Lợi – Huyện Nam Trực – Tỉnh Nam Định



- Địa chỉ thường trú: Phòng 113, B1, Ngõ 203 Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Số ĐT liên lạc: 0983236296
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 8/2001 đến 8/2002	Công tác tại Công ty Nghiên cứu thị trường Taylor Nelson Sofres - Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Từ 8/2002 đến 7/2003	Công tác tại Chi nhánh Hưng Yên - Công ty XNK Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam thuộc Tổng Công ty Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp, Bộ Công nghiệp - Chuyên viên lao động tiền lương
Từ 7/2003 đến 2/2006	Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư
Từ 2/2006 đến 10/2006	Phụ trách nhóm Kế hoạch và Đầu tư tại VPĐD tại Hà Nội
Từ 10/2006 đến 10/2008	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 10/2008 đến 7/2013	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 8/2013 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 7/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 8/2011 đến nay	Trưởng BKS Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
Từ 11/2012 đến 3/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang
  - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
- Số CP nắm giữ: 4.227.533 cổ phiếu, chiếm 21,76 % vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **2.1.1.4 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó văn phòng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19-04-1970
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quê quán : X.Xuân Bình, H.Sông Cầu, T.Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Số CMND : 025528924 cấp ngày: 02/12/2011 tại CA TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 320A Bùi Văn Ba, KP2, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc : 0909372530
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, đơn vị công tác</b>
01/1994-12/2001	Nhân viên văn thư, đánh máy, phiên dịch, lao động tiền lương, Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Thuận (sau đổi tên là Công ty Nhựa Tân Thuận)
01/2002-01/2004	Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Phú
02/2004-7/2004	Nhân viên Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam

8/2004-9/2008	Phó Văn Phòng Công ty Nhựa Việt Nam
10/2008 đến nay	Phó Văn phòng Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **2.1.1.5 Đỗ Văn Hiếu**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1976
- Nơi sinh: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- CMND: 281110599 cấp ngày 25/06/2011 tại CA. Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 105/18/6 (số cũ 26A/3), Đường Dĩ An - Bình Đường, Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Số ĐT liên lạc: 091 8541237
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hoá, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ năm 2000 đến 2001	Nhân viên kỹ thuật xi mạ điện và xử lý bề mặt kim loại - Công ty TNHH Sheang Lih Cycle Vietnam.
Từ năm 2001 đến 2004	Nhân viên Kỹ thuật và Kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 2004 đến T11/2011	Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng (QA /QC) Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ T11/2011 đến T1/2013	Phó Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 02/01/2013 đến nay	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn..
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Trưởng phòng Quản trị Hệ thống - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

## 2.1.2 Ban kiểm soát

### 2.1.2.1 Ông Cao Minh Tâm

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 022703422 cấp ngày 10/01/2003 tại CA. TPHCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 243/103B1 Tôn Đản – Phường 15 – Quận 4 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0913161881
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1996 – 6/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST.
Từ 07/2011– 12/2013	Chuyên viên văn phòng VINAPLAST
Từ 12/2013 đến nay	Chuyên viên Trung tâm NCUDCD&ĐT
Từ 3/2008 – nay	Trưởng ban kiểm soát VINAPLAST.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên BKS Youlchon Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước.
  - Thành viên BKS Youlchon Vina
- Số CP nắm giữ: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **2.1.2.2 Bà Lê Thị Kim Phượng**

- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát, Chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 022645259 cấp ngày 22/11/2010 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 72-74 Lý Tự Trọng – Phường Bến Thành – Quận 1 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0919655816
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Mỹ Thuật
- Quá trình công tác:

Từ 06/1995 – 12/1996	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 01/1997 đến 09/2003	Chuyên viên XN TMDV Nhựa số 1
Từ 10/2003 đến nay	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 3/2008 – nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: 21.200 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 21.200 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2.1.2.3 Ông Nguyễn Văn Thơm

- Chức vụ: Thành viên kiểm soát
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 21/09/1958
- Nơi sinh: Hà Tây
- CMND: 011057020 cấp ngày 25/2/2005 tại CA. TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Tổ 10 – X2 – Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 0912265404
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1979 đến 3/1981	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp -Gia Lâm-Hà Nội.
Từ 4/1981 đến 6/1985	Phụ trách trung đội, D9, E5, T328, Đặc khu Quảng Ninh.
Từ 7/1985 đến 9/1990	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp và học chuyên tu tập trung Trường ĐH Tài chính kế toán.
Từ 10/1990 đến 7/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Giấy Tiên Sơn, Bắc Ninh
Từ 10/2006 đến 06/2011	Chuyên viên tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 07/2011 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
Từ 3/2008 – nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
  - Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
- Số CP nắm giữ: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2.1.3 Các chức danh khác:

#### 2.1.3.1 Ông Phan Trung Nam-Kế toán trưởng (như mục 2.1.1.2)

#### 2.1.3.2 Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Chức vụ: Giám đốc tài chính, Người công bố thông tin
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/08/1962
- Nơi sinh: Sài Gòn
- CMND: 021409306 cấp ngày 05/5/2003 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: 12/62 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc: 0918160532
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngành Toán điều khiển kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 09/1995 đến 7/1999	Chuyên viên phòng TCKT – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 9/1999 đến 6/2003	Phó phòng TCKT – Tổng Cty Nhựa Việt Nam
Từ 7/2003 đến 9/2006	Phó phòng TCKT – Công ty Nhựa Việt Nam
Từ 10/2006 đến 9/2008	Trưởng phòng TCKT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 10/2008 đến 12/2010	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 01/2011 đến nay	Giám đốc Tài chính Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 2008-7/2013	Thành viên BKS Youlchon Vina
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Youlchon Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Youlchon Vina.



- Số CP nắm giữ: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,00515 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,00515 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

#### **3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 37 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	74		52	
a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	3	4,05	3	5,77
	Đại học	35	47,30	29	55,77
	Cao đẳng	6	8,11	2	3,85
	Trung cấp nghề	8	10,81	7	13,46
	Lao động phổ thông	22	29,73	11	21,15
b	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	32	43,24	28	53,85
	Phía Bắc	42	56,76	24	46,15

#### **3.2. Chính sách đối với người lao động:**

##### **3.2.1 Chế độ làm việc:**

##### **3.2.1.1 Thời gian làm việc:**

Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ Hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và Chủ nhật.

### **3.2.1.2 Điều kiện làm việc:**

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ đồng phục Văn phòng đối với các phòng ban và phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khối sản xuất theo quy định của nhà nước.

### **3.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

#### **3.2.2.1 Tuyển dụng:**

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong cả nước.

#### **3.2.2.2 Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:**

Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đãi thọ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Riêng đối với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản xuất Công ty vẫn duy trì thực hiện các hình thức đào tạo tại chỗ bằng cách cử đội ngũ công nhân lành nghề hướng dẫn, kèm cặp đối với những công nhân mới, tay nghề chưa thuần thục và tổ chức cử CBCNV đi học tập, nâng cao tay nghề tại các đơn vị trong cùng hệ thống Công ty và các đơn vị bạn.

### **3.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:**

#### **3.3.1 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

#### **3.3.2 Bảo hiểm:**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp..

## **4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

### **4.1. Các khoản đầu tư lớn:**

Công ty không có đầu tư lớn trong năm 2013

## 4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

### 4.2.1 Công ty con:

#### 4.2.1.1 Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 41,92% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Thăng Long như sau:

Khoản mục	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	54.566.959.654	61.273.270.042	Số liệu năm 2012 đã điều chỉnh lỗi nhập liệu.
Tài sản dài hạn	101.308.617.845	88.823.305.723	
Nợ ngắn hạn	128.676.324.644	123.143.391.048	
Nợ dài hạn	109.834.375	431.376.000	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	24.000.000.000	24.000.000.000	
Doanh thu thuần	83.088.954.490	76.787.472.575	
Lợi nhuận sau thuế	564.151.580	1.120.895.114	

#### 4.2.1.2 Công ty Cổ Phần Nhựa Bắc Giang:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 51% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Bắc Giang được tóm tắt theo biểu tổng hợp dưới đây, trong đó, nợ ngắn hạn và dài hạn của Bắc Giang năm 2012 trên báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán điều chỉnh hồi tố lại số dư đầu kỳ cho đúng bản chất công nợ:

Khoản mục	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	12.056.567.910	16.212.953.522	
Tài sản dài hạn	3.099.584.560	2.387.960.628	
Nợ ngắn hạn	10.867.449.687	14.486.554.666	
Nợ dài hạn	761.107.494	437.181.872	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	2.400.000.000	2.400.000.000	
Doanh thu thuần	46.181.578.775	49.815.819.537	
Lợi nhuận sau thuế	314.097.920	310.725.555	

#### 4.2.1.3 Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Phước:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 99,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Việt Phước như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	28.819.701.533	30.644.100.268	
Tài sản dài hạn	10.712.780.479	9.694.249.676	
Nợ ngắn hạn	15.800.964.660	16.328.562.411	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	22.407.000.000	22.407.000.000	
Doanh thu thuần	61.814.745.276	63.598.862.976	
Lợi nhuận sau thuế	1.498.573.066	1.907.064.205	

#### 4.2.1.4 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	8.338.867.392	13.040.799.611	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	3.671.531.541	8.669.443.447	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	43.167.470.119	40.031.453.597	
Lợi nhuận sau thuế	(708.122.345)	(295.979.687)	

#### 4.2.1.5 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	15.073.904.694	17.675.730.203	
Tài sản dài hạn	571.407.127	409.440.351	
Nợ ngắn hạn	10.312.859.915	13.283.067.800	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	146.796.295.227	151.227.141.553	
Lợi nhuận sau thuế	13.339.967	(512.256.372)	

#### 4.2.1.6 Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	15.636.904.916	13.231.371.477	
Tài sản dài hạn	26.829.798	16.549.951	
Nợ ngắn hạn	5.277.457.190	3.242.993.845	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	10.000.000.000	10.000.000.000	
Doanh thu thuần	89.270.911.712	156.648.585.309	
Lợi nhuận sau thuế	386.277.524	(381.349.941)	

#### 4.2.2 Công ty liên doanh, liên kết:

##### 4.2.2.1 Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 27,51% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012(đồng)</b>	<b>Năm 2013(đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	118.163.307.121	140.534.913.102	
Tài sản dài hạn	11.268.889.512	10.878.188.854	
Nợ ngắn hạn	63.546.383.939	68.159.655.132	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	44.279.528.312	44.279.528.312	
Doanh thu thuần	326.558.125.844	336.476.332.633	
Lợi nhuận sau thuế	21.223.619.337	19.572.314.481	

#### 4.2.2.2 Công ty Liên Doanh TPC Vina:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 15% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh TPC Vina. Tính đến ngày 31/12/2012 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh TPC Vina như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013(đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	489.198.523.634	614.596.431.868	
Tài sản dài hạn	1.128.091.273.507	1.043.494.617.963	
Nợ ngắn hạn	761.453.324.741	772.078.584.969	
Nợ dài hạn	145.529.606.047	77.308.530.530	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	662.620.000.000	662.620.000.000	
Doanh thu thuần	2.646.539.089.805	3.382.505.843.299	
Lợi nhuận sau thuế	94.535.381.920	98.397.067.979	

#### 4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 20,69% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	207.071.326.630	256.346.068.889	
Tài sản dài hạn	67.758.999.767	60.496.064.736	
Nợ ngắn hạn	215.839.885.865	263.800.267.460	
Nợ dài hạn	10.168.123.383	1.640.265.011	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	48.749.000.000	48.749.000.000	
Doanh thu thuần	724.107.103.172	1.138.046.756.581	
Lợi nhuận sau thuế	852.244.213	2.618.321.978	

#### 4.2.2.4 Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 19,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	102.878.814.266	118.816.748.653	
Tài sản dài hạn	65.922.525.750	88.111.399.296	
Nợ ngắn hạn	78.949.866.657	99.601.917.744	
Nợ dài hạn	35.181.326.965	39.516.762.406	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	40.000.000.000	49.999.420.000	
Doanh thu thuần	334.603.838.872	379.127.221.601	
Lợi nhuận sau thuế	7.478.267.676	13.083.166.504	

#### 4.2.2.5 Công ty Cổ phần Youl Chon Vina:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Youl Chon Vina. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty Cổ phần Youl Chon Vina như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	168.796.201.770	150.399.485.362	
Tài sản dài hạn	122.336.099.210	135.600.445.841	
Nợ ngắn hạn	198.442.168.506	174.810.730.543	
Nợ dài hạn	43.948.269.530	77.880.627.584	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	143.670.158.063	143.670.158.063	
Doanh thu thuần	477.555.795.838	432.800.694.855	
Lợi nhuận sau thuế	(21.346.030.447)	(15.433.289.867)	

#### 4.2.2.6 Công ty Cổ phần SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An:

Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 49% vốn điều lệ Công ty Cổ phần SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An. Tính đến ngày 31/12/2013 tình hình tài chính Công ty Cổ phần SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản ngắn hạn	787.402.399	296.298.302	
Tài sản dài hạn	9.629.942.133	11.477.365.019	
Nợ ngắn hạn	7.027.076.355	8.383.822.904	
Nợ dài hạn	1.211.214.614	1.194.669.158	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	2.000.000.000	2.000.000.000	
Doanh thu thuần	1.643.831.179	1.438.665.304	
Lợi nhuận sau thuế	170.527.477	182.334.696	

### 5. Tình hình tài chính của Công ty Cp Nhựa Việt Nam

#### 5.1 Tình hình tài chính

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012 (đồng)</b>	<b>Năm 2013 (đồng)</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	555.324.621.951	550.791.062.320	-0,82%
Doanh thu thuần	903.443.254.124	492.693.186.858	-45,46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.462.977.840)	(22.353.347.801)	400,86%
Lợi nhuận khác	14.266.044.088	(31.141.549)	-100,22%
Lợi nhuận trước thuế	9.803.066.248	(22.384.489.350)	-328,34%
Lợi nhuận sau thuế	9.803.066.248	(22.384.489.350)	-328,34%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	99,10%		



## 5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,68	0,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,66	0,54	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	65,25%	69,11%	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	187,77%	223,72%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	39,49	53,83	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,62	0,89	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,09%	-4,54%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,08%	-13,16%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,77%	-4,06%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,49%	-4,54%	

## 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 6.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 19.428.913 cổ phiếu. Tất cả cổ phần đang lưu hành được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

### 6.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2013:

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	12.794.342	65,85	
2	Cổ đông là tổ chức	2.326.000	11,97	
3	Cổ đông cá nhân	4.308.571	22,18	
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.428.913</b>	<b>100,00</b>	

**7. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**8. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**9. Các chứng khoán khác:**

Hiện tại. Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

**10. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

**10.1 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013**

**10.1.1 Tình hình chung:**

- Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Dù đạt được một số mục tiêu vĩ mô như kiềm chế lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền... nhưng vẫn còn khá nhiều mục tiêu không đáp ứng kỳ vọng: Tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,42% - thấp nhất ba năm qua, tổng cầu nền kinh tế suy giảm...
- Chịu tác động khó khăn chung của nền kinh tế, ngành nhựa cũng phải đối mặt với nhiều thách thức: thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua giảm. Hơn nữa, ngành nhựa nước ta vẫn đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài. Bên cạnh đó, những chi phí đầu vào như: xăng, điện, nước, nguyên vật liệu... ngày càng tăng đang là gánh nặng với các doanh nghiệp ngành nhựa. Mặc dù lãi suất có giảm nhưng vốn cũng là một khó khăn đối với doanh nghiệp ngành nhựa. Tuy có tốc độ tăng trưởng tốt về kim ngạch, nhưng trên thực tế, lợi nhuận thu được lại không tương xứng do chi phí đầu vào cao trong khi đầu ra không thể tăng mạnh. Do vậy, thời gian qua đã có khoảng trên 20% trong tổng số các doanh nghiệp của ngành đã phải đóng cửa do không đủ vốn để duy trì hoạt động sản xuất. Yếu tố đầu vào không thuận lợi là nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận các doanh nghiệp sụt giảm mạnh.

**10.1.2 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013:**

**10.1.2.1 Kết quả thực hiện năm 2013 của Công ty mẹ**

Đối với Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, năm 2013 thực sự vẫn là một năm hết sức khó khăn trong việc thực hiện các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013*

- Doanh thu hợp nhất thực hiện 920,63 tỷ đồng bằng 97,94% kế hoạch năm. trong đó công ty mẹ thực hiện 492,69 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện -15,245 tỷ đồng, trong đó công ty mẹ thực hiện -22,384 tỷ đồng.

➤ *Đánh giá kết quả thực hiện năm 2013 của Công ty mẹ.*

<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Tỷ lệ so sánh</b>
Doanh thu thuần	Tr.đồng	903.443	492.693	54,54 %
Giá vốn	Tr.đồng	877.434	473.628	53,98 %
Doanh thu HĐTC	Tr.đồng	40.675	16.405	40,33 %
Chi phí tài chính	Tr.đồng	41.550	32.312	77,77 %
Chi phí bán hàng. quản lý DN	Tr.đồng	29.596	25.511	86,19 %
Thu nhập khác	Tr.đồng	14.638	119	0,81 %
Chi phí khác	Tr.đồng	371	150	40,43 %
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.803	-22.384	

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã thực hiện không đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2012. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận lỗ 22,384 tỷ do một số nguyên nhân chủ yếu sau:
  - Do chịu ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế, sức mua thị trường ở mức thấp, việc tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn, dẫn đến doanh thu bán hàng giảm, hàng tồn kho cao và phải giảm giá hàng bán. Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp.
  - Do giá cả nguyên liệu lên xuống thất thường (giá hạt nhựa PVC và HDPE bình quân trong quý 3 đều đã tăng 5-10% so với giai đoạn đầu năm) và mức lãi biên của mặt hàng kinh doanh này thấp trong khi kinh doanh màng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể.

- Tình hình tài chính hiện nay đang rất khó khăn và mất cân đối về tài chính do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn là 118 tỷ, chiếm 73,8% vốn vay ngân hàng. tương đương 60,8% vốn điều lệ thực góp. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm và hiệu quả thấp dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không đạt, lỗ khoảng 11,2 tỷ/năm và công ty thiếu vốn để hoạt động.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả do hoạt động chủ yếu bằng vốn vay, thu hồi công nợ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính. Trong năm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do khách hàng mất khả năng thanh toán, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ của công ty.
- Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 13,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,2%. Trong đó có những đơn vị đầu tư từ năm 2011 đến nay không chia cổ tức như: Nhựa Vân Đồn hoặc lỗ như Công ty CP Nhựa Youlchon Vina, điều đó cho thấy việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư tài chính dài hạn nhìn chung là không hiệu quả.
- Kế hoạch thoái vốn tại công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina chưa thể thực hiện được do kế hoạch trì hoãn của phía đối tác và giá chuyển nhượng chưa thỏa thuận được.

#### **10.1.2.2 Một số tồn tại chưa xử lý trong năm tài chính 2013 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty mẹ.**

- Chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá khoản vay ODA vào cuối kỳ với số tiền 37,66 tỷ đồng. Công ty đang xin ý kiến từ Bộ Công Thương. Bộ Tài chính về việc xử lý nợ ODA và việc hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá này.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ vốn vay ODA chưa phân bổ hết năm trước theo chế độ là 2,4 tỷ đồng.
- Nợ vay vốn ODA trung và dài Ngân hàng Phát triển Việt Nam còn 39 triệu NDT. tiền lãi còn phải trả đến năm 2021 là 6,88 triệu NDT, tỷ giá đồng/NDT mỗi năm dự kiến tăng 10% và hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa trả nợ và lãi đến hạn kỳ 10/03/2014 là 5,1 triệu NDT (tương đương 16,87 tỷ đồng).

- Bộ Công Thương lưu ý việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 21 tỷ đồng của Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
- Trong các khoản đầu tư tài chính dài hạn. chưa trích lập khoản tổn thất do đầu tư vào những đơn vị kinh doanh thua lỗ theo chế độ (Công ty CP Nhựa Youlchon Vina) là 33 tỷ đồng.
- Tiền cổ tức phải trả cho Bộ Công Thương theo phần vốn nhà nước từ khi cổ phần hóa đến nay (tính trên giá trị phần vốn thực góp) là 20,47 tỷ đồng (chưa tính lãi trả chậm và Công ty không có khả năng trả khoản cổ tức này do đang mất cân đối về vốn lớn và bị thiếu hụt).
- Khoản thu sử dụng vốn nhà nước của nhà nước của Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina (theo công văn số 1898/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Bộ Tài Chính) là 10 tỷ đồng.
- Việc góp vốn vào Công ty con, công ty liên kết không thực hiện được trong khi đã hạch toán vào lợi nhuận là 14,3 tỷ

### 10.1.2.3 Kết quả hoạt động của các Công ty con:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Đơn vị	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	So sánh với năm trước (%)		Sản phẩm chủ yếu
			Doanh thu	Lợi nhuận	
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	76,79	1,49	92,42	216	Két nhựa. thùng can nhựa. mắc áo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	63,6	2,12	102,89	105,87	Tấm nhựa
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	49,82	0,414	107,87	100,61	Bao PP
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	151,23	-0,512	103,02		

Đơn vị	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	So sánh với năm trước (%)		Sản phẩm chủ yếu
			Doanh thu	Lợi nhuận	
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	40,03	-0,296	92,74		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	156,65	-0,298			

#### 10.1.2.4 Kết quả hoạt động của các Công ty Liên doanh - Liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty Liên doanh - Liên kết ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam do vốn góp của Công ty vào các công ty Liên doanh - Liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của Công ty. Trong năm 2013, Công ty Youl Chon Vina lỗ 15,43 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết khác tuy có lợi nhuận nhưng không đủ bù đắp lãi vay đầu tư tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.

#### 10.1.2.5 Hoạt động đầu tư

- Năm 2013, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn. nguồn vốn đầu tư hạn chế. chi phí lãi vay ngân hàng vẫn còn ở mức cao nên Công ty không triển khai các dự án chưa thực sự cần thiết để tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cuối năm 2013, công ty triển khai dự án sản xuất két nhựa đáp ứng việc cung cấp két cho Công ty Bia Sài Gòn được đặt tại huyện Củ Chi - TP.Hồ Chí Minh, dự án được đưa vào hoạt động trong năm 2014.

#### 10.1.2.6 Hoạt động tài chính:

Thực hiện chủ trương thoái vốn ở một số đơn vị, Công ty đã tiến hành đàm phán với các đối tác (TPC Vina và Youl Chon Vina) nhưng do chưa thực hiện được do trình tự xét duyệt của phía đối tác.

### **10.1.2.7 Công tác nghiên cứu - đào tạo:**

Tiếp tục thực hiện phần còn lại của các Đề tài và đã thực hiện xong một số đề tài với mục tiêu đảm bảo chi lương cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:

- Đề tài: “Nghiên cứu đánh giá khả năng hài hòa các tiêu chuẩn của Việt Nam về một số sản phẩm có nguồn gốc cao su với tiêu chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp ô tô, xe máy”, với tổng mức kinh phí 200 triệu đồng được đầu tư nghiên cứu từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013.
- Đề tài: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất nhựa phục vụ ngành thực phẩm, đồ uống giải khát và đóng gói”. Đề tài có tổng mức kinh phí 300 triệu đồng được tiến hành nghiên cứu từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 12 năm 2014.
- Đề tài: “Nghiên cứu công nghệ giải pháp sản xuất các sản phẩm nhựa nhằm nâng cao tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng”. Đề tài có tổng kinh phí 200 triệu đồng được tiến hành nghiên cứu từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013.

## **10.2 Kế hoạch năm 2014**

### **10.2.1 Kế hoạch**

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đặt ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2014 như sau:
  - Doanh thu công ty mẹ : 441 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ : -21,2 tỷ đồng.
- Lý do xây dựng kế hoạch lợi nhuận lỗ:
  - Công ty vẫn chịu ảnh hưởng của việc mất cân đối tài chính chưa giải quyết xong nên áp lực lãi vay ngân hàng lớn.
  - Do việc cho thuê tài chính không có hiệu quả (thiết bị từ nguồn vốn ODA khai thác với công suất thấp. có thiết bị không khai thác được) trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nợ đến hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Phát triển. Ngoài ra, Công ty phải chịu ảnh hưởng của việc chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ (dự kiến tăng 10%).

- Đầu tư tài chính tại một số công ty con. công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi thu về cổ tức từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.
- Việc kết thúc hợp đồng đại lý với YC Vina làm cho lãi gộp giảm xuống nhiều; nhà xưởng Củ chi chỉ mới bắt đầu hoạt động, phải trích lập khấu hao đầu tư ban đầu
- Giải quyết một phần tồn đọng từ những năm trước.

## **10.2.2 Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2014**

### **10.2.2.1 Hoạt động sản xuất. kinh doanh:**

- Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất. tìm kiếm giải pháp tiết kiệm nguyên liệu. năng lượng, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật - quy trình sản xuất. áp dụng công nghệ mới, tiên tiến để nâng cao năng suất lao động trên từng công đoạn của quá trình sản xuất - lưu thông nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu với giá ưu đãi từ các nhà cung cấp nguyên liệu, tăng cường công tác dự báo nhằm đánh giá chính xác và kịp thời diễn biến giá cả thị trường; tăng cường hợp tác giữa các đơn vị thành viên trong việc tiêu thụ nguyên liệu, thành phẩm.
- Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý định hướng kinh doanh vào các nhà sản xuất lớn để từng bước trở thành nhà phân phối nguyên liệu cho các tập đoàn trong và ngoài nước.

### **10.2.2.2 Hoạt động nghiên cứu - đầu tư:**

- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình: “Sản xuất thử nghiệm Nhựa sinh học nguyên liệu và sản phẩm” với tổng dự toán khoảng 17 tỷ cho giai đoạn 2014 - 2018.
- Đầu tư chiều sâu bổ sung thiết bị nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

### **10.2.2.3 Hoạt động tài chính:**

Nguồn vốn là yếu tố quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, Công ty sử dụng vốn vay để hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi



suất tiền vay ở mức bình quân cao hơn dẫn đến chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn. Mặc khác, do những khó khăn của ngành ngân hàng và sự xiết chặt yêu cầu thế chấp tài sản, nên việc giải ngân vốn ngân hàng chưa đáp ứng kịp nhu cầu của Công ty. Để đảm bảo nguồn vốn hoạt động, Công ty sẽ tập trung vào các biện pháp tạo nguồn sau:

- Tiếp tục tiến hành đàm phán với các đối tác là TPC và Youl Chon Vina để thực hiện chủ trương thoái vốn ở các Công ty Liên doanh - Liên kết này.
- Thoái vốn ở những đơn vị góp vốn hoạt động kinh doanh không có hiệu quả, thua lỗ, trước mắt là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam
- Cho thuê thiết bị ODA bù lại một phần chi phí khấu hao, lãi vay và làm việc với Ngân hàng Phát triển về việc khoan nợ khoản vay ODA nhằm giải quyết khó khăn tạm thời về tài chính của công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối chi tiêu hàng năm để xác định nhu cầu vốn cần huy động và tìm kiếm nguồn vốn với lãi suất thấp để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính. Hợp tác chặt chẽ giữa các đơn vị thành viên để hỗ trợ nhu cầu vốn nhằm sử dụng tốt đồng vốn trong điều kiện kinh tế khó khăn
- Hợp lý hóa cơ cấu tổ chức kinh doanh. tận dụng tối đa nguồn lực về kho bãi - nhà xưởng, vốn, nhân lực nhằm giảm chi phí trong kinh doanh, tăng sức cạnh tranh hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện chủ trương giảm giá bán cho khách hàng thanh toán tiền ngay nhằm tạo nguồn vốn kinh doanh, giảm tối đa việc bán hàng cho khách hàng thanh toán chậm. Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng - thu hồi nợ. Tính toán hợp lý để quay nhanh đồng vốn bỏ ra.

#### **10.2.2.4 Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực**

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao kiến thức và năng lực quản lý.
- Sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy, phòng ban hợp lý. Xây dựng định biên lao động, thang bảng lương, khoán theo công việc và đánh giá hiệu quả công việc. Đồng thời xây dựng lại quy chế tiền lương, chính sách khen thưởng xứng đáng tạo điều

kiện cho người lao động phát huy hết khả năng và năng lực của mình góp phần vào sự phát triển của công ty.

- Xây dựng Quy chế quản lý Người đại diện vốn của Vinaplast tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

## **11.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### ***\*Bối cảnh chung:***

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2008-2013 có 05 thành viên kết thúc nhiệm kỳ vào tháng 6/2013. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 có 05 thành viên. trong đó có 02 thành viên không điều hành. được bầu vào tháng 6 năm 2013. Sau khi trúng cử, HĐQT mới đã tiến hành các thủ tục bổ nhiệm các nhân sự quản lý theo thẩm quyền và làm các thủ tục tiếp nhận bàn giao.
- Năm 2013, trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng, kinh tế trong nước còn nhiều biến động; Tổng cầu toàn xã hội giảm, bên cạnh đó các giải pháp của Chính phủ về tái cấu trúc hệ thống tài chính, ngân hàng đã dẫn đến khó khăn về tiếp cận vốn của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

### ***\*Khó khăn của ngành nhựa:***

- Không chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, nguyên liệu sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng 15% nhu cầu nên phần lớn phải phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, giá thành sản xuất luôn bị biến động mỗi khi có biến động tỷ giá ngoại tệ, yếu trong việc tạo ra nguồn nguyên liệu tái sinh sạch để tạo ra sản phẩm với giá thành cạnh tranh.
- Vốn đầu tư hạn chế
- Chưa có nhiều sáng kiến trong cải tiến kỹ thuật và đa dạng hóa sản phẩm
- Thiếu sự hợp tác với các công ty trong ngành, sản xuất không mang tính chuyên môn hóa.
- Yếu kém trong việc cập nhật thông tin thị trường.

### ***\*Khó khăn của bản thân công ty:***

- Mất cân đối tài chính. áp lực lãi vay ngân hàng lớn.

- Cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả. Ngoài ra, Công ty phải chịu ảnh hưởng của việc chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ (dự kiến tăng 10%).
- Đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi thu về cổ tức từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.
- Còn nhiều tồn tại tài chính từ các năm trước chưa được xử lý.

### **11.1 Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2013**

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả SXKD năm 2013 của Công ty như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Tỷ lệ so sánh</b>
Doanh thu thuần	Tr.đồng	903.443	492.693	54,54 %
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.803	-22.384	0
Cổ tức	%	5	0	0

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã thực hiện không đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2012. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận lỗ 22,384 tỷ do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

#### ***Nguyên nhân khách quan:***

- Nền kinh tế có nhiều khó khăn, sức mua thị trường ở mức thấp, việc tiêu thụ hàng hóa chậm, dẫn đến doanh thu bán hàng giảm, hàng tồn kho cao và phải giảm giá hàng bán. Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp.
- Giá cả nguyên liệu lên xuống thất thường (giá hạt nhựa PVC và HDPE bình quân trong quý 3 đều đã tăng 5-10% so với giai đoạn đầu năm) và mức lãi biên của mặt hàng kinh doanh này thấp trong khi kinh doanh màng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể.

#### ***Nguyên nhân chủ quan:***

- Tình hình tài chính hiện nay đang rất khó khăn và mất cân đối về tài chính do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn là 118 tỷ, chiếm 73,8% vốn vay ngân hàng, trong đó 60,8% vốn điều lệ thực góp. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao

để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm và hiệu quả thấp dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không đạt, lỗ khoảng 11,2 tỷ/năm và công ty thiếu vốn để hoạt động.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả do hoạt động chủ yếu bằng vốn vay, thu hồi công nợ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính. Trong năm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do khách hàng mất khả năng thanh toán, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ của công ty.
- Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 13,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,2%. Trong đó có những đơn vị đầu tư từ năm 2011 đến nay không chia cổ tức như: Nhựa Vân Đồn hoặc lỗ như Công ty CP Nhựa Youlchon Vina, điều đó cho thấy việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư tài chính dài hạn nhìn chung là không hiệu quả.
- Kế hoạch thoái vốn tại công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina chưa thể thực hiện được do kế hoạch tri hoãn của phía đối tác và giá chuyển nhượng chưa thỏa thuận được.
- Chưa hoạch định được một chiến lược kinh doanh hiệu quả (đầu tư dàn trải, không được kiểm soát, công tác nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh không thường xuyên, định kỳ, không làm kỹ lưỡng, chuyên sâu, Xây dựng chiến lược kinh doanh vội vàng, đơn giản không dựa trên những căn cứ xác đáng; Quy mô kinh doanh dàn trải: Bắc, Trung, Nam: chia cắt sức lực. tăng chi phí dẫn đến giảm lợi nhuận).
- Nguồn nhân lực vừa thừa vừa thiếu - tổ chức bộ máy công kênh chưa hợp lý.

## **11.2 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành**

***HDQT đánh giá Ban điều hành trong năm 2013 đã thực hiện được các nội dung sau:***

- Chủ động đề xuất và triển khai đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm giải quyết khó khăn trước mắt, ổn định sản xuất kinh doanh.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục củng cố, duy trì phát triển hệ thống đại lý bán hàng trong nước.

- Thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí và khai thác tối đa nguồn lực hiện có về bất động sản, thiết bị.
- Bước đầu tái cấu trúc bộ máy
- Khai thác thiết bị hiện có, đầu tư sản xuất ở Cù Chi vào cuối tháng 12/2013.

**Tuy nhiên, Ban điều hành vẫn còn những hạn chế sau:**

- Công tác quản lý điều hành đã có chuyển biến tích cực hơn nhưng vẫn chưa đạt được sự quyết liệt cần thiết.
- Triển khai một số Nghị quyết HĐQT còn chậm như thoái vốn tại một số công ty liên doanh, liên kết; triển khai giảm vốn Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công tác lập kế hoạch vẫn chưa sát thực tế còn phải điều chỉnh;
- Công tác quản lý, khai thác và mở rộng thị trường còn hạn chế;
- Chưa bổ sung được nguồn nhân lực có chất lượng cao, thiếu nhiều những vị trí công tác có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn cao.
- Công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ còn chậm, chưa thực sự chủ động và quyết liệt, công nợ phải thu còn lớn... làm cho vòng quay của vốn đạt thấp, chi phí vốn cao dẫn đến công tác tài chính của Công ty gặp khó khăn và giảm hiệu quả.

**12. Quản trị công ty.**

**12.1 Hội đồng quản trị**

**12.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Đến ngày 31/12/2013)**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Hoàng	Chủ tịch	4.350.076	23,39%
2	Phan Trung Nam	Thành viên	4.222.133	21,73%
3	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	4.227.533	21,76%
4	Đỗ Văn Hiếu	Thành viên	0	0,00%
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	21.300	0,11%

**12.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty chưa thành lập các tiểu ban

**12.1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản 23 phiên (13 phiên nhiệm kỳ 2008 - 2013 và 10 phiên nhiệm kỳ 2013 - 2018). Các phiên họp

của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời Ban Lãnh đạo Công ty, trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Căn cứ và kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 20 nghị quyết và 22 quyết định quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Số CV	Ngày	Ký hiệu	Nội dung
03	24/01/2013	NQ-NVN-HĐQT	1-Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2012 và kế hoạch 2013 2-Cơ cấu tổ chức: Sáp nhập và chuyển giao toàn bộ tài sản Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội 3-Thành lập bộ phận dự thảo sửa đổi điều lệ Công ty 4-Vấn đề liên quan đến Cty CP Nhựa Việt Phước-Góp vốn bổ sung vào Công ty CP Nhựa Việt Phước 5-Chi phí thuê thiết bị của Công ty CP Nhựa Việt Phước
05	28/01/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Phê duyệt Góp vốn bổ sung vào Công ty CP Nhựa Việt Phước
6/1	28/02/2013	NQ-NVN-HĐQT	1-Đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp cấp hạn mức vốn lưu động 2-Tài sản thế chấp
7/1	12/3/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Đề nghị Ngân hàng Á Châu cấp tín dụng cho Công ty

<b>Số CV</b>	<b>Ngày</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nội dung</b>
10	27/3/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Đề cử người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty CP Nhựa Việt Nam
11/1	17/4/2013	NQ-NVN-HĐQT	1-Thông qua dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty CP NVN được XD mới theo quy định của nhà nước 2-Phê duyệt quy chế quản trị của Cty CP NVN 3- Phê duyệt thời gian tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Cty CP NVN 4-Hội đồng quản trị Cty CP NVN đề nghị Cty CP Nhựa Việt Phước lập dự án tiền khả thi đầu tư tầm khổ rộng để có cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư 5-Thời gian chốt số liệu giải thể Chi nhánh XN TMDV Nhựa số 1.
12/1	17/4/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Chấm dứt hoạt động CN XN TMDV Nhựa số 1.
15	3/5/2013	QĐ-NVN-HĐQT	-Chấm dứt hoạt động chi nhánh CN XN TMDV Nhựa số 1.
18	13/05/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông 15/6 đến 30/6 -Chỉ tiêu thực hiện SXKD năm 2012 và kế hoạch 2013 -Thù lao và chi phí HĐQT & BKS -Đề cử nhân sự vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018 -Cử người đại diện quản lý vốn Công ty CP NVN tại Công ty CP Nhựa Vân Đồn -Cử người đại diện quản lý vốn Cty CP NVN tại Cty CP Nhựa Thăng Long -Tái cơ cấu vốn Cty CPNVN: thoái vốn tại các công ty
20	21/5/2013	QĐ-NVN-HĐQT	-Quyết định Chấm dứt hoạt động CN XN TMDV Nhựa số 1.
21/1	21/5/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Vay vốn, chiết khấu, mở L/C, bảo lãnh... tại ngân

<b>Số CV</b>	<b>Ngày</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nội dung</b>
			hàng Sài Gòn Thương Tín
25	10/6/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2013
27/2	17/6/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Bỏ phiếu tín nhiệm đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm chức danh Phó TGD Công ty CP NVN
28	17/6/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Đề cử người đại diện vốn nhà nước tại Công ty CP NVN
28/2	25/6/2013	NQ-NVN-HĐQT	-Cấp mới hạn mức tín dụng tại ngân hàng Đầu tư phát triển VN
37	28/6/2013	NQ-ĐHCĐ	Nghị quyết Hội đồng quản trị Cty CP NVN nhiệm kỳ 2013-2018 – Phiên họp thứ nhất: - Bầu CT HĐQT Cty CP NVN nhiệm kỳ 2013-2018 - Miễn nhiệm chức danh TGD Công ty CP Nhựa Việt Nam đối với ông Nguyễn Khắc long kể từ ngày 05/07/2013 -Bổ nhiệm chức danh TGD Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2013-2018 đối với ông Lê Hoàng kể từ ngày 05/07/2013
39	28/6/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2008-2013 đối với ông Nguyễn Khắc Long kể từ ngày 05/7/2013
40	28/6/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT: Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2008-2013 đối với ông Lê Hoàng kể từ ngày 05/7/2013
43	12/7/2013	NQ-ĐHCĐ	Nghị quyết Hội đồng quản trị Cty CP NVN nhiệm kỳ 2013-2018 – Phiên họp thứ hai: 1-Thay đổi người Quản lý cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina-. Cử người được chỉ định tham gia



<b>Số CV</b>	<b>Ngày</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nội dung</b>
			<p>BKS Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina</p> <p>2-Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPCvina</p> <p>3-Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái plastchem</p> <p>4-Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước. Cử người tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước.</p> <p>5-Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty CP SXTMDV Nhựa Mộc Nghệ An</p> <p>6-Bổ nhiệm thư ký công ty</p> <p>7-Lựa chọn Cty kiểm toán năm 2013</p>
44	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Cty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP SX TM DV Nhựa Mộc Nghệ An
45	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Cty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina
46	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người được Công ty CP Nhựa Việt Nam chỉ định tham gia Ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Youlchon Vina
47	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Cty CP NVN tại Cty TNHH Nhựa và hóa chất

Số CV	Ngày	Ký hiệu	Nội dung
			TPV Vina
48	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Cty CP NVN tại Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái Plastchem và tham gia vào Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem
49	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc bổ nhiệm Thư ký Công ty
50	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa VN tại Công ty CP Nhựa Việt Phước
51	12/7/2013	QĐ- NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc lựa chọn Công ty kiểm toán ACC
55	22/7/2013	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết họp HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 phiên họp thứ ba (22/7/2013) -Thay đổi người đại diện quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa VN tại Cty CP Nhựa Vân Đồn -Lấy phiếu tín nhiệm các TVHĐQT đối với ông Phạm Văn Tác-dự kiến bổ nhiệm PTGD Cty CP NVN- p/t khu vực phía Bắc -lấy phiếu tín nhiệm của các TV HĐQT đối với ông Phan Trung Nam- dự kiến bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP NVN
61	06/8/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa VN tại Công ty CP Nhựa Vân Đồn
65	29/8/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc thôi giữ chức vụ phó TGD Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đối với ông Đào Duy Kha từ ngày 01/9/2013
68	23/9/2013	NQ-HĐQT	Nghị quyết họp HĐQT lần 6:

<b>Số CV</b>	<b>Ngày</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nội dung</b>
			<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013 và xây dựng giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên trong những tháng còn lại của năm 2013</li> <li>-Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam</li> <li>-Bổ nhiệm PTGD Công ty. Phê duyệt tiền lương của PTGD Công ty</li> <li>-Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty. Phê duyệt tiền lương của KTT Công ty.</li> <li>-Phê duyệt quỹ lương năm 2013</li> <li>-Về trả thù lao cho các thành viên HĐQT</li> </ul>
69	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với ông Phạm Văn Tác từ ngày 01/10/2013
70	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phan Trung Nam từ ngày 01/10/2013
71	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt mức tiền lương đối với ông Phạm Văn Tác- PGĐ Công ty
72	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt mức tiền lương đối với ông Phan Trung Nam- Kế toán trưởng Công ty
73	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định phê duyệt Quỹ lương 2013
74	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	QĐ mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT
75	23/9/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định giao nhiệm vụ cho TGD Cty tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung và làm các thủ tục niêm yết trên sàn upcom trình HĐQT phê duyệt.
80	14/10/2013	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc Bổ sung ngành nghề của Cty TNHH MTV TMDV Nhựa

Số CV	Ngày	Ký hiệu	Nội dung
			Trường An
84	04/11/2013	BB-NVN-HĐQT	NQ về việc đăng ký lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán Công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (upcom), ủy quyền cho TGD CTy tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung và làm các thủ tục niêm yết lên sàn upcom.
88	27/11/2013	NQ-NVN-HĐQT	NQ Hội phiên thứ 9 của HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam -Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 10 tháng 2013 -Kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị -Thông qua nội dung Hội đồng lao động với PTGD và Phụ lục HĐLĐ với Kế toán trưởng
91	29/11/2013	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 10 về thông qua vay vốn ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Sài Gòn
93	29/11/2013	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 10 : Thông qua đề nghị cấp mới hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn.

#### 12.1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp HĐQT trong năm.

#### 12.2 Ban Kiểm soát

##### 12.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	Cao Minh Tâm	Trưởng Ban	31.000	0,16%
2	Nguyễn Văn Thơm	Thành viên	7.700	0,04%
3	Lê Thị Kim Phượng	Thành viên	21.200	0,01%

### 12.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013. Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013, các quyết định của Hội Đồng quản trị.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp một cách độc lập, khách quan.
- Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
- Luôn được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.

### 13. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

#### 13.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Năm 2013, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 323.400.000 đồng bằng 65,7% tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 28/6/2013. cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	237.000.000
2	Ban kiểm soát	86.400.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>323.400.000</b>

- Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tại Công ty ngoài tiền lương, thưởng theo quy chế tiền lương, thưởng của Công ty đã được duyệt theo quy định.

#### 13.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2013, không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

### **13.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

Trong năm 2013, không có hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ.

### **13.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

## **14. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

### **14.1 Ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC\_Việt Nam (ACC\_VIETNAM) đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2014, từ trang 09 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 một số khoản công nợ phải thu khác của Công ty mẹ chưa được đối chiếu đầy đủ. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán bổ sung tuy nhiên kết quả chưa khẳng định một cách chính xác các khoản công nợ nêu trên.

Báo cáo tài chính được hợp nhất từ Công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết, liên doanh như đã được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Tại thời điểm kiểm toán, Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan tới việc chia cổ tức cho Công ty mẹ. Do đó việc xác định phần lãi và lỗ trong các công ty liên kết, liên doanh được xác định dựa trên lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ phần trăm sở hữu của Công ty mẹ.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **14.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*

**CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC\_VIETNAM**

**AUDITING - VALUATION CONSULTING ACC\_VIETNAM COMPANY**

**Trụ sở chính:** 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội  
**VP giao dịch:** P402 - D11 Sunrise Building  
Đường Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3795 0639 \* Fax: (84-4) 3795 0638

**VP tại TP. Hồ Chí Minh:**  
156/7F Đường Tô Hiến Thành  
Phường 15 - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh  
Tel: 08 38625324

**VP tại Bắc Miền Trung:**  
Số 88 Đường Kim Đồng - Phường Bình  
TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  
Tel: 0383 3610388

**VP tại Hải Phòng:**  
Số 3 Tòa nhà Thanh Đạt - Lê Thánh Tông  
**VP tại Hà Nội:**  
1056 La Thành - Ngọc Khánh - Ba Đình

*Website: [http://www.acc\\_vietnam.com](http://www.acc_vietnam.com)*



<u>MỤC LỤC</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07 - 08
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	09 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 47

KIỂM TOÁN  
ĐỘC LẬP

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### Khái quát chung

##### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 08 năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Tên giao dịch	:	VIETNAM PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt	:	VINAPLAST
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 300B Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh Tel : (84-8) 39453301/ 39453302/ 39453303 - Fax : (84-8) 3945329 Email: vinaplast@vinaplast.com.vn - Website: www.vinaplast.com.vn
Vốn điều lệ	:	198.000.000.000 VND (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)
Văn phòng đại diện	:	39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (84-4) 22206091/ 22206097 - Fax: (84-4) 22206094 Email: vinaplast39@hn.vnn.vn hoặc vinaplast_hn@vinaplast.com.vn

#### Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381966 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 08 năm 2013, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; (không sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá.  
Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.  
Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu.  
Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.  
Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Bán buôn phân bón. Bán buôn phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- In ấn.  
Chi tiết: In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở);

- Quảng cáo.  
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Chi tiết: Cho thuê bãi đậu xe, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.  
Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Tái chế phế liệu.  
Chi tiết: Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.  
Chi tiết: Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.  
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy tính);
- Sản xuất các thiết bị khác.  
Chi tiết: Sản xuất chuỗi cách điện polymer, vật cách điện, dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.  
Chi tiết: Giao nhận hàng hóa, gửi hàng, thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.  
Chi tiết: Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu lâm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 07 năm 2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

#### Các công ty con

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty bao gồm Công ty mẹ và 06 Công ty con. Chi tiết về các Công ty con cụ thể như sau:

**Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0311679634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2012, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24 tháng 12 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 10.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một* là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0310541880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01 tháng 11 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An* là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0105008197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Số 18C Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

*Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103006640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 01 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 45.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 78,61%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

*Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2007, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 06 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.407.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 99,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty: Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

*Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2003000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2000, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 05 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 2.400.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 51,00%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Xã Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

#### Các công ty liên doanh, liên kết

*Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10 tháng 03 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 49.999.420.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 19,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 462032000203 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2007 với thời gian hoạt động 48 năm, và theo giấy phép điều chỉnh lần thứ năm do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 18 tháng 07 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 143.670.158.063 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 30,00%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

*Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa mộc Nghệ An* là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2901372649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 2.000.000.000 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 49,00%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 1A, Đường Thái Phiên, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

*Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất IPC Vina* là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1287/GCNDĐC12/47/2 do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 2008. Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh thành giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 03 tháng 01 năm 2012 và có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 662.620.000.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa

Việt Nam chiếm 15,00%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phòng 901, Lầu 9, 35 Nguyễn Huệ, Harbour View Tower, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 04 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 44.279.528.312 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 27,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303643747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2003, và theo đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 08 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 81.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 34,38%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng  
Ông Nguyễn Khắc Long  
Bà Vũ Thị Minh Thục  
Ông Phan Trung Nam  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương  
Ông Đỗ Văn Hiếu  
Ông Đào Duy Kha  
Bà Trần Thị Thu Hà  
Ông Nguyễn Quốc Nhựt

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)  
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hoàng  
Ông Nguyễn Khắc Long  
Ông Lê Hoàng  
Ông Đào Duy Kha

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05/07/2013)  
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2013)  
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2013)  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Cao Minh Tâm  
Ông Nguyễn Văn Thơm  
Bà Lê Thị Kim Phượng

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC Việt Nam.

**Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam với khoản lỗ trước thuế là 15.245.473.141 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 47 kèm theo.

**Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết

thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện  
Ban Tổng Giám đốc



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Hà Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2014



**CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC\_VIỆT NAM**  
**AUDITING - VALUATION CONSULTANCY ACC\_VIETNAM COMPANY**  
Trụ sở chính / Head Office: 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội  
VPGD/Office: R402 - D11 - Sunrise Building - Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội  
Điện thoại / Tel: (84-4) 3795 0839 - 2241 6223 \* Fax: (84-4) 3795 0838  
Email: info@acc\_vietnam.com \* Website: http://www.acc-vietnam.com

Số: 33/H4/BCKT - ACC\_Vietnam

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC\_Việt Nam (ACC\_VIETNAM) đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2014, từ trang 09 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 một số khoản công nợ phải thu khác của Công ty mẹ chưa được đối chiếu đầy đủ. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán bổ sung tuy nhiên kết quả chưa khẳng định một cách chính xác các khoản công nợ nêu trên.

Báo cáo tài chính được hợp nhất từ Công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết, liên doanh như đã được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Tại thời điểm kiểm toán, Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan tới việc chia cổ tức cho Công ty mẹ. Do đó việc xác định phần lãi và lỗ trong các công ty liên kết, liên doanh được xác định dựa trên lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ phần trăm sở hữu của Công ty mẹ.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC VIỆT NAM**



**Nguyễn Văn Thành**  
Giám đốc  
Đăng ký hành nghề số: 0814-2013-084-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**Phan Trọng Tuấn**  
Kiểm toán viên  
Đăng ký hành nghề số: 2580-2013-084-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:**

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, theo ước tính Kiểm toán viên số cần trích lập đối với Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là 33.037.000.245 VND. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 4458/BCT-CNN ngày 25/05/2012 của Bộ Công thương về việc "Xin chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina" trả lời Công văn số 206/BPDDCSHVNN ngày 21/05/2012 của Bộ phận đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam giá chuyển nhượng phần vốn nói trên không dưới 2.700.000 USD cộng với lãi suất ngân hàng bình quân hiện hành (Hiện giá trị vốn góp của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là 43.008.000.000 VND). Căn cứ Công văn số 46-2012/CV-YCVN-HDQT ngày 30/05/2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina trả lời Công văn số 220/CV-NVN-TCKT của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc "Đề nghị chuyển nhượng vốn" thì Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon (Cổ đông chi phối của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina) đã chính thức đề nghị mua lại toàn bộ 4.300.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam với mức giá theo hướng dẫn tại Công văn 4458/BCT-CNN ngày 25/05/2012 của Bộ Công thương. Tuy nhiên, trong năm 2013 Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon có gửi Công văn số YCC - Overseas - 201212 - 001 ngày 24/12/2012 xin kéo dài thời gian việc chuyển nhượng trên do suy giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để các bên thảo luận thêm. Theo đó, hiện Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.

Theo Công văn số 510/CV-TL ngày 05/10/2012 về việc Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút một phần vốn góp khỏi Dự án xây dựng "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán căn bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.bv/HTĐT-KDBĐS (HĐ-BCC) ngày 21/01/2009 với số tiền 21.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã gửi Công văn số 467/CV-NVN-TCKT ngày 06/12/2012 xin góp vốn vào dự án trên bằng số tiền Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút và đã có sự thống nhất giữa các bên góp vốn tại dự án này. Công ty và các đối tác đang thực hiện hoàn thiện các thủ tục hồ sơ cần thiết để thay đổi thông tin các bên góp vốn trên giấy chứng nhận đầu tư của dự án này. Trong năm 2013, Công ty góp thêm 21.000.000.000 VND Chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ kèm theo do Công ty đang thực hiện hoàn thiện các hồ sơ liên quan.

Theo Công văn số 9150/BTC-TCĐN ngày 12/07/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chênh lệch tỷ giá nợ phải trả cuối năm tài chính bằng ngoại tệ từ nguồn vay ODA có hướng dẫn "để có căn cứ xử lý chênh lệch tỷ giá khoản nợ vay đầu tư từ nguồn vốn ODA cho các năm kế tiếp, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cần thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo quy định của Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước, Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/08/2007 của Bộ Tài chính, Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đó xác định rõ cơ cấu tài sản hình thành sau đầu tư gắn với mục đích sử dụng (tự khai thác hoặc cho thuê) để tổ chức công tác hạch toán, kiểm kê, đánh giá lại và xử lý chênh lệch tỷ giá nguồn vốn vay ODA theo đúng chế độ Nhà nước đã quy định". Đến ngày 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án và thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản vay có gốc ngoại tệ cho dự án để hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2013

Mẫu B01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>299.559.603.947</b>	<b>295.344.857.672</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>03</b>	<b>38.496.500.592</b>	<b>41.373.158.181</b>
1. Tiền	111		26.048.350.592	27.425.008.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.448.150.000	13.948.150.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.551.850.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	17.551.850.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>162.601.874.754</b>	<b>179.178.428.094</b>
1. Phải thu khách hàng	131		115.445.542.716	139.539.868.283
2. Trả trước cho người bán	132		16.209.208.248	1.967.524.878
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	05	34.417.543.802	38.115.829.527
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.470.420.012)	(444.794.594)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>06</b>	<b>67.843.282.144</b>	<b>59.016.714.811</b>
1. Hàng tồn kho	141		68.165.609.848	59.314.589.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.327.704)	(297.874.846)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.066.096.457</b>	<b>15.776.556.586</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	07	236.102.065	1.436.973.674
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.684.083.570	5.492.203.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		86.524.914	83.193.471
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	7.059.385.908	8.764.186.037
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>383.219.462.874</b>	<b>424.130.334.993</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>175.652.926.954</b>	<b>190.398.006.243</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	103.283.962.146	118.482.826.110
- Nguyên giá	222		194.674.783.579	197.526.989.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.390.821.433)	(79.044.163.370)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.553.084.201	13.050.483.319
- Nguyên giá	228		16.087.158.120	16.143.151.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.534.073.919)	(3.092.668.161)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	59.815.880.607	58.864.696.814
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>195.473.876.445</b>	<b>217.992.161.853</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	195.206.540.594	196.385.861.853
3. Góp vốn liên doanh	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	13	600.000.000	21.606.300.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(332.664.149)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.735.162.995</b>	<b>9.787.393.030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.564.113.723	9.538.169.568
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.171.049.272	249.223.462
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>5.357.496.480</b>	<b>5.952.773.867</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>682.779.066.821</b>	<b>719.475.192.665</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2013

(Tiếp theo)

Mẫu B01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>518.049.600.333</b>	<b>539.508.896.518</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>419.674.532.531</b>	<b>442.325.246.227</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	218.380.738.042	190.068.490.445
2. Phải trả người bán	312		74.525.287.368	99.716.573.789
3. Người mua trả tiền trước	313		3.915.461.713	4.516.157.560
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	54.282.284.351	54.815.380.683
5. Phải trả người lao động	315		2.332.587.984	4.052.823.162
6. Chi phí phải trả	316	17	356.616.254	1.799.836.035
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	65.684.237.759	87.526.084.460
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		197.319.060	(170.099.907)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>98.375.067.802</b>	<b>97.183.650.290</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	-	18.602.255.625
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		119.000.000	133.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	20	97.937.885.930	78.107.485.571
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		318.181.872	340.909.094
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>161.668.046.269</b>	<b>172.104.001.593</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>161.274.301.140</b>	<b>170.922.875.830</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		304.978.655	104.750.486
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		151.471.273	151.471.273
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.403.184.932)	(2.527.735.430)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		987.000.939	309.409.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		133.256.578	30.409.987
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(32.188.351.373)	(21.434.560.109)
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
11. Quỹ quản lý của cấp trên	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>393.745.129</b>	<b>1.181.125.763</b>
1. Nguồn kinh phí	432		393.745.129	1.181.125.763
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3.061.420.219</b>	<b>7.862.294.555</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>682.779.066.821</b>	<b>719.475.192.665</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2013

Mẫu số: B01-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	ĐVT	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	001	VND	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002	VND	-	-
+ Thành phẩm nhựa tấm		Kg	-	1.292
+ Vật tư, hàng hóa khác		Tám	-	3.841
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	VND	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	VND	-	-
5. Ngoại tệ các loại	007	USD	376.713,93	52.708,12
		EUR	79,70	79,70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	VND	-	-

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Lê Hoàng

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Năm 2013

Mẫu số: B02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	22	924.147.068.095	1.225.092.040.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	23	3.514.022.695	4.338.136.298
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>920.633.045.400</b>	<b>1.220.753.903.806</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	870.839.112.566	1.171.063.945.396
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>49.793.932.834</b>	<b>49.689.958.410</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.056.184.596	18.127.608.665
7. Chi phí tài chính	22	27	37.581.554.717	58.169.420.950
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.810.128.365	40.300.769.387
8. Chi phí bán hàng	24		13.837.267.292	18.464.669.448
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.967.912.066	31.877.386.151
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(20.536.616.645)</b>	<b>(40.693.909.474)</b>
11. Thu nhập khác	31	28	313.138.310	14.816.980.903
12. Chi phí khác	32	29	289.200.013	588.688.294
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>23.938.297</b>	<b>14.228.292.609</b>
<b>14. Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>45</b>		<b>5.267.205.207</b>	<b>15.666.692.202</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(15.245.473.141)</b>	<b>(10.798.924.663)</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	772.638.793	204.025.537
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(933.245.646)	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(15.084.866.288)</b>	<b>(11.002.950.201)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(4.090.815.364)	281.841.819
Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông của Công ty mẹ			(10.994.050.924)	(11.284.792.020)
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>(566)</b>	<b>(581)</b>

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Lê Hoàng

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Phương pháp trực tiếp  
Năm 2013

Mẫu B03-DN  
Đơn vị tính: VND

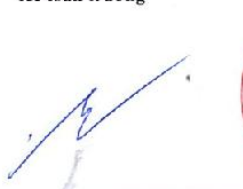
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1	1.037.218.605.858	1.464.739.294.145
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(972.835.497.267)	(1.294.417.226.478)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(29.674.442.924)	(27.549.542.219)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(26.682.144.363)	(38.944.345.410)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.102.828.528)	(561.513.169)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6.560.705.843	44.176.299.539
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(40.076.249.284)	(98.408.681.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(26.591.850.665)</b>	<b>49.034.284.880</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(242.140.541)	(503.003.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.065.610.000)	(2.530.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.777.060.000	3.152.240.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(24.244.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.997.602.845	6.272.851.721
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.533.087.696)</b>	<b>(17.851.911.915)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSII	31	-	15.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	584.316.073.273	604.912.023.279
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(553.999.477.404)	(629.384.642.182)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.047.914.804)	(3.363.790.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.268.681.065</b>	<b>(12.836.408.903)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.856.257.296)</b>	<b>18.345.964.062</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>41.373.158.181</b>	<b>23.027.327.257</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.400.293)	(133.138)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>38.496.500.592</b>	<b>41.373.158.181</b>

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Lê Hoàng

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh từ trang 14 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. KHÁI QUÁT CHUNG

#### a. Hình thức sở hữu vốn

##### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công Thương sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 08 năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM  
Tên giao dịch : VIETNAM PLASTIC CORPORATION  
Tên viết tắt : VINAPLAST  
Địa chỉ trụ sở chính : Số 300B Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel : (84-8) 39453301/ 39453302/ 39453303 - Fax : (84-8) 3945329  
Email: vinaplast@vinaplast.com.vn - Website: www.vinaplast.com.vn  
Vốn điều lệ : 198.000.000.000 VND  
(Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)  
Văn phòng đại diện : 39A Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4) 22206091/ 22206097 - Fax: (84-4) 22206094  
Email: vinaplast39@hn.vnn.vn hoặc vinaplast\_hn@vinaplast.com.vn

##### Các công ty con

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty bao gồm Công ty mẹ và 06 Công ty con. Chi tiết về các Công ty con cụ thể như sau:

**Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0311679634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2012, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24 tháng 12 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 10.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0310541880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01 tháng 11 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0105008197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010, và theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 5.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 100%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Số 18C Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103006640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 01 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng

ký doanh nghiệp của Công ty là 45.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 78,61%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

**Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4603000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2007, và theo đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 06 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.407.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 99,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty: Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

**Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2003000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2000, và theo đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 05 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 2.400.000.000 VND trong đó vốn của Công ty mẹ chiếm 51,00 %. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Xã Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

#### Các công ty liên doanh, liên kết

**Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, và theo đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10 tháng 03 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 49.999.420.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 19,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 462032000203 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2007 với thời gian hoạt động 48 năm, và theo giấy phép điều chỉnh lần thứ năm do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 18 tháng 07 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 143.670.158.063 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 30,00 %. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

**Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa mộc Nghệ An** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2901372649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 2.000.000.000 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 49,00 %. Trụ sở đăng ký của Công ty tại số 1A, Đường Thái Phiên, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

**Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1287/GCNDDC12/47/2 do Ủy Ban Nhà nước về Ilopat và Đầu tư cấp lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 2008. Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh thành giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 03 tháng 01 năm 2012 và có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 662.620.000.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 15,00 %. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phòng 901, Lầu 9, 35 Nguyễn Huệ, Harbour View Tower, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastechem** là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2008, và theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 04 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn của Công ty là 44.279.528.312 VND trong đó vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 27,52%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn** là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303643747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2003, và theo đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 08 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn theo đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 81.000.000.000 VND trong đó vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chiếm 34,38%. Trụ sở đăng ký của Công ty tại 320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### b. Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381966 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 08 năm 2013, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất sản phẩm từ plastisc.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; (không sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá.  
Chi tiết: Đại lý kỹ gửi hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.  
Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu.  
Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.  
Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Bán buôn phân bón. Bán buôn phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- In ấn.  
Chi tiết: In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở);
- Quảng cáo.  
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Chi tiết: Cho thuê bãi đậu xe, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu.  
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.  
Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Tái chế phế liệu.  
Chi tiết: Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.  
Chi tiết: Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.  
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy tính);
- Sản xuất các thiết bị khác.  
Chi tiết: Sản xuất chuỗi cách điện polymer, vật cách điện, dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;



- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.  
Chi tiết: Giao nhận hàng hóa, gửi hàng, thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.  
Chi tiết: Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 07 năm 2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

## 2. NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

### a) Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### b) Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động các công ty này.

Trong đó Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An đang trình bày theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã được trình bày lại để chính sách kế toán áp dụng chung theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006" cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được sự quản lý bởi công ty mẹ và giữa công ty mẹ với các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty con hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của công ty mẹ trong các công ty con. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

**c) Năm tài chính và đơn vị tiền tệ kế toán**

Năm tài chính được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

**d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh**

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác (Công ty mẹ). Quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với Công ty con được xác định khi Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty con (Công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp Công ty con hoặc sở hữu gián tiếp Công ty con qua một Công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong các trường hợp sau đây, quyền kiểm soát cũng được thực hiện ngay cả khi Công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại Công ty con:

- (a) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho Công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;
- (b) Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- (c) Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương;
- (d) Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản góp vốn liên doanh là thoả thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B09 - DN

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. HCM

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Vốn đăng ký doanh nghiệp của công ty con	Vốn thực tế của công ty con	Công ty con đã ghi nhận vốn góp	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Giá trị vốn công ty đã ghi nhận	Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ theo vốn thực góp của công ty con	Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ theo vốn đã đăng ký của công ty con
A	1	2	3	4	5	6=3/2	7=3/1
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	24.000.000.000	24.000.000.000	18.865.500.000	18.866.200.000	19.290.924.596	78,61%	78,61%
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	2.400.000.000	2.400.000.000	1.224.000.000	1.224.000.000	1.746.849.271	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	22.407.000.000	22.407.000.000	22.298.490.000	27.303.690.000	27.303.690.000	99,52%	99,52%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	100,00%	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>68.807.000.000</b>	<b>68.807.000.000</b>	<b>62.387.990.000</b>	<b>67.393.890.000</b>	<b>68.341.463.867</b>		

**Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Vốn đăng ký doanh nghiệp của công ty liên doanh, liên kết	Vốn thực tế của công ty liên doanh, liên kết	Công ty liên doanh, liên kết đã ghi nhận vốn góp	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Giá trị vốn công ty đã ghi nhận	Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ theo vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ theo vốn đã đăng ký
A	1	2	3	4	5	6=3/2	7=3/1
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	44.279.528.000	44.279.528.312	12.183.728.041	12.183.728.041	15.279.075.966	27,52%	27,52%
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	598.039.000.000	662.620.000.000	99.393.000.000	89.705.850.000	89.705.850.000	15,00%	16,62%
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đền	81.000.000.000	48.749.000.000	16.760.800.000	33.695.060.000	34.253.714.628	34,38%	20,69%
Công ty Cổ phần Yout Chon Vina	143.360.000.000	143.670.158.063	43.008.000.000	43.008.000.000	43.008.000.000	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	49.999.420.000	49.999.420.000	9.761.400.000	9.761.400.000	11.979.900.000	19,52%	19,52%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Móc Nghệ An	2.000.000.000	2.000.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000	49,00%	49,00%
<b>Cộng</b>	<b>918.677.948.000</b>	<b>951.318.106.375</b>	<b>182.086.928.041</b>	<b>189.334.038.041</b>	<b>195.206.540.594</b>		

19/12/2013 10:00:00

**e) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**f) Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các khoản chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả phải nộp khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá sau ghi nhận ban đầu**

Hiện chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**g) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho".

**i) Công nợ và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/T - BTC ngày

07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**j) Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	03 - 08

Trong năm 2013 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một thực hiện thay đổi khung khấu hao làm tăng thời gian khấu hao của các tài sản cố định do đó trên Bảng cân đối kế toán chi phí khấu hao trong năm giảm 145.268.664 VND đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” giảm 145.268.664 VND, chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ tăng tương ứng 145.268.664 VND.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình gồm phần mềm kế toán với thời gian khấu hao từ 04 năm đến 07 năm, quyền sử dụng đất với thời gian khấu hao từ 25 năm đến 45 năm.

**k) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chủ yếu là tiền thuê máy ép phun, máy móc khuôn mẫu, công cụ dụng cụ đã xuất dùng và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Một số khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn Công ty chưa phân bổ hết vào chi phí sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**l) Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty mẹ là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài sản, các chi phí trực tiếp tạo ra doanh thu hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận ngay vào chi phí phát sinh trong năm cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê: Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian đi thuê.

**m) Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm về nhựa.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
  - (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu dịch vụ chủ yếu từ hoạt động cho thuê tài sản nhà cửa, máy móc thiết bị.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**n) Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán được đánh giá lại theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ngoại trừ khoản mục vay dài hạn có số dư gốc ngoại tệ 31.995.535,36 CNY có tỷ giá ghi sổ là 3.047,50 VND/CNY theo tỷ giá của ngân hàng Nhà nước là 3.464,83 VND/CNY.

Số dư chênh lệch tỷ giá đo đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Một số khoản phải trả bằng ngoại tệ Công ty chưa kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

**o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm các khoản lỗ mang sang nếu có) và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận

cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm thuế kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước được miễn 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định hiện hành về thuế tại Việt Nam.

**p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**q) Đầu tư dài hạn khác**

Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở bán tại 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với nội dung:

Tên dự án	:	Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
Tổng mức đầu tư	:	499.358.000.000 VND, trong đó: Vốn tự có: 74.904.000.000 VND Vốn huy động: 247.647.000.000 VND Vốn vay: 149.807.000.000 VND
Diện tích	:	3.209,80 m <sup>2</sup>
Mật độ xây dựng	:	52,40%
Diện tích xây dựng	:	1.682,60 m <sup>2</sup>
Tổng diện tích sàn	:	40.108,23 m <sup>2</sup>
Chiều sâu 03 tầng hầm	:	10,10 m (từ cos=0.00 đến cos -10,10m)
Tổng chiều cao công trình	:	88,00 m
Số tầng	:	25 tầng + 03 tầng hầm và 02 tầng kỹ thuật
Chủ đầu tư	:	Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 - Hà Nội
Thời gian thực hiện dự án	:	04 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 21/05/2009

Một số hồ sơ, tài liệu kèm theo dự án như sau:

Công văn phê duyệt số 3267/BCN-TDTP ngày 13 tháng 06 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất tại 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000296 ngày 21 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp; Quyết định số 3686/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc cho Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long chuyển mục đích sử dụng đất tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân để đầu tư xây dựng dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán;

Giấy phép xây dựng số 55/GPXD ngày 13 tháng 05 năm 2011 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long được phép xây dựng Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở bán tại 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BDS ngày 09 tháng 01 năm 2008 và Hợp đồng bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BDS số 01.bx/HTĐT-KD BDS ngày 21 tháng 01 năm 2009;

Tòa nhà gồm 3 tầng hầm để xe với diện tích 7.818,30 m<sup>2</sup> và 25 tầng nổi. Dự kiến tòa nhà sử dụng từ tầng 01 đến tầng 12 làm việc và cho thuê. Từ tầng 13 đến tầng 25 là căn hộ để bán cho cán bộ nhân viên trong các Công ty. Mỗi tầng gồm 08 căn hộ chia làm 03 loại (Loại A có 04 căn/tầng với diện tích 148,20 m<sup>2</sup>/căn, loại B có 02 căn/tầng với diện tích 145,70 m<sup>2</sup>/căn và loại C có 02 căn/tầng với diện tích 130,00 m<sup>2</sup>/căn). Sân vườn đường xung quanh để xe ra vào của dự án có tổng diện tích là 1.526,80 m<sup>2</sup>.

*r) Dự phòng trợ cấp mất việc làm*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên Công ty thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho cán bộ công nhân viên dựa trên số năm làm việc và mức lương đóng cơ bản tại thời điểm thôi việc. Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và cán bộ công nhân viên phải đóng bảo hiểm thất nghiệp. Mức đóng mỗi bên được tính bằng 01% mức lương cơ bản và nhỏ hơn 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định ở từng thời kỳ.



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**03. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	9.259.273.628	9.397.619.420
Tiền gửi ngân hàng	16.789.076.964	18.027.388.761
<b>Tiền gửi ngân hàng VND</b>	<b>10.074.420.422</b>	<b>17.166.671.508</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	149.215.846	1.659.737.412
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.606.173	148.921.714
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN	2.294.027.358	9.522.404.687
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	495.314.783	1.149.443.033
Ngân hàng TMCP Á Châu	3.185.824.301	2.235.788.647
Ngân hàng phát triển Việt Nam	29.990.796	25.963.666
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	20.741.627	1.420.945
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.029.523.794	1.108.234.649
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.489.139.972	30.202.291
Ngân hàng TMCP Phương Đông	144.499.429	162.085.282
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.308.326	5.979.755
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	2.236.855
Ngân hàng TMCP Đại Dương	1.017.800	1.001.400
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	525.344
Kho bạc Nhà nước	168.000.000	1.691.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	59.210.217	1.111.034.693
<b>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ USD</b>	<b>6.710.325.230</b>	<b>858.522.080</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.801.562	6.061.951
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.170.290	4.283.486
Ngân hàng TMCP Quân Đội	30.292	11.039
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.105.914	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	4.948.223.392	6.369.584
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN	1.749.765.857	838.727.847
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	23.560	960.379
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	2.204.363	2.107.794
<b>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ EUR</b>	<b>4.331.312</b>	<b>2.195.173</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.331.312	2.195.173
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>12.448.150.000</b>	<b>13.948.150.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	12.448.150.000	12.448.150.000
Ngân hàng Việt - Lào	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.496.500.592</b>	<b>41.373.158.181</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 9%/năm tại ngày 01/01/2013 và 5,5%/năm tại ngày 31/12/2013, chi tiết như sau:

Số hợp đồng	Ngày đáo hạn	31/12/2013 VND
644/2012/HĐTG ngày 01/06/2012	01/07/2013	2.000.000.000
863/2012/HĐTG ngày 02/07/2012	02/07/2013	3.000.000.000
873/2012/HĐTG ngày 03/07/2012	04/07/2014	2.600.000.000
926/2012/HĐTG ngày 10/07/2012	10/07/2013	3.000.000.000
989/2012/HĐTG ngày 18/07/2012	18/07/2013	1.848.150.000
<b>Cộng</b>		<b>12.448.150.000</b>

Các thuyết minh này là hồ phân hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Mẫu số B09 - DN

04. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (*)	17.551.850.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.551.850.000</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm 04 hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng có thời gian đáo hạn 01 năm với lãi suất 9,5%/năm, chi tiết như sau:

Số hợp đồng	Ngày đáo hạn	31/12/2013
		VND
293/2013/4777548 ngày 04/03/2013	04/03/2014	5.000.000.000
328/2013/4777548 ngày 08/03/2013	08/03/2014	5.000.000.000
370/2013/4777548 ngày 18/03/2013	18/03/2014	5.000.000.000
437/2013/4777548 ngày 28/03/2013	28/03/2014	2.551.850.000
<b>Cộng</b>		<b>17.551.850.000</b>

05. Các khoản phải thu khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu cán bộ công nhân viên	-	379.303.950
Phải thu thuế thu nhập cá nhân từ chia cổ tức	100.355.270	-
Thuế bảo vệ môi trường	63.988.056	508.920.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	17.906.491	38.433.100
Dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Phải thu các bên liên quan (*)	33.988.461.719	22.484.857.245
+ Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem	14.635.796.959	9.250.379.231
+ Công ty TNHH LD nhựa và hóa chất TPC Vina	16.798.434.701	10.189.874.504
+ Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	2.554.230.059	1.153.620.000
+ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	-	402.749.010
+ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	-	243.310.000
+ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	-	1.114.924.500
+ Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam	-	130.000.000
TT Nghiên Cứu ứng dụng Chất dẻo và Đào tạo	93.622.751	99.906.126
Đặt cọc tiền thuê nhà	-	93.000.000
Phải thu khác	153.209.515	14.511.409.106
<b>Cộng</b>	<b>34.417.543.802</b>	<b>38.115.829.527</b>

(\*) Phải thu các bên liên quan là khoản phải thu cổ tức được chia từ lợi nhuận đạt được sau thuế của các bên liên quan nhưng chưa nhận được tiền.

06. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.629.843.153	327.616.649
Nguyên liệu, vật liệu	23.381.971.604	18.454.081.336
Công cụ, dụng cụ	143.950.352	84.074.661
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.019.566.881	3.681.076.850
Thành phẩm	16.043.060.709	16.954.122.179
Hàng hóa	16.947.217.149	19.773.893.681
Hàng gửi bán	-	39.724.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(322.327.704)	(297.874.846)
<b>Cộng</b>	<b>67.843.282.144</b>	<b>59.016.714.811</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để có cơ sở phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho".

07. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thông tin về ngành nhựa	-	93.610.200
Chi phí mua laptop Đàng vụ	2.575.755	-
Chi phí sửa chữa máy	-	8.090.130
Quần áo bảo hộ lao động	-	11.115.605
Chi phí phụ tùng thay thế, sửa chữa cho máy móc	-	26.272.408
Phí bảo hiểm xe ô tô	7.385.379	29.707.614
Tiền thuê Nhà máy Khu công nghiệp Tiên Sơn	-	1.163.071.521
Chi phí mua sơn lăn nhà xưởng Tiên Sơn	10.060.000	-
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	60.833.332	98.058.532
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.247.599	7.047.664
<b>Cộng</b>	<b>236.102.065</b>	<b>1.436.973.674</b>

08. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	4.712.132.623	3.728.394.043
Tài sản thiếu chờ xử lý	84.941.593	458.898.340
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.262.311.692	4.576.893.654
+ Tại Công ty mẹ (*)	651.981.370	1.016.508.482
+ Tại các Công ty con	1.610.330.322	3.560.385.172
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Nhựa VN (**)	240.536.142	2.593.723.988
Công ty TNHH Thương mại & DV Nhựa Số Một (***)	475.518.780	239.272.064
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	231.952.200	406.979.520
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	662.323.200	320.409.600
<b>Cộng</b>	<b>7.059.385.908</b>	<b>8.764.186.037</b>

(\*) Bao gồm các khoản ký quỹ mở L/C bằng ngoại tệ tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam: Tại ngày 31/12/2013 bao gồm 02 khoản ký quỹ L/C số ILU131100006, giá trị nguyên tệ 18.597,6 USD để thanh toán cho nhà cung cấp Taihan Fiber Optics., Ltd và L/C số ILU131200007, giá trị nguyên tệ: 6.240 USD để thanh toán cho nhà cung cấp Wah tech Industrial Co., Ltd.

(\*\*) Bao gồm các khoản ký quỹ mở L/C bằng ngoại tệ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam: Tại ngày 31/12/2013 bao gồm 01 khoản ký quỹ theo hợp đồng số UCF9/3B0294A ngày 02/12/2013 để thanh toán cho nhà cung cấp Mitsubishi Corporation Singapore Branch, giá trị nguyên tệ 11.434,5 USD.

(\*\*\*) Bao gồm các khoản ký quỹ mở L/C bằng ngoại tệ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa số Một: Tại ngày 31/12/2013, là khoản ký quỹ L/C số 06036 với giá trị nguyên tệ 22.605 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
**300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. HCM**

*Các thiết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

*Mẫu số B09 - DN*

**09. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>							
Tại ngày 01/01/2013	57.094.636.190	127.594.515.605	10.368.155.445	2.378.491.333	91.190.907	197.526.989.480	
Tăng trong kỳ	84.583.641	11.380.000	-	-	-	95.963.641	
Mua sắm mới	-	11.380.000	-	-	-	11.380.000	
XDCB chuyển giao	84.583.641	-	-	-	-	84.583.641	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	287.712.567	1.361.689.632	573.035.576	634.540.860	91.190.907	2.948.169.542	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	522.654.667	-	-	522.654.667	
Phân loại lại	287.712.567	1.361.689.632	50.380.909	634.540.860	91.190.907	2.425.514.875	
Tại ngày 31/12/2013	56.891.507.264	126.244.205.973	9.795.119.869	1.743.950.473	-	194.674.783.579	
<b>Giá trị hao mòn</b>							
Tại ngày 01/01/2013	10.036.940.358	61.523.510.093	6.095.346.325	1.350.301.140	38.065.454	79.044.163.370	
Tăng trong kỳ	2.809.195.603	10.593.922.896	957.059.569	310.714.236	6.800.497	14.677.692.801	
Khấu hao trong kỳ	2.809.195.603	10.593.922.896	957.059.569	310.714.236	6.800.497	14.677.692.801	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	233.394.166	1.061.639.627	546.054.722	445.080.272	44.865.951	2.331.034.738	
Giảm khác	1.029.723	946.188	522.654.667	3.425.895	-	528.056.473	
Phân loại lại	232.364.443	1.060.693.439	23.400.055	441.654.377	44.865.951	1.802.978.265	
Tại ngày 31/12/2013	12.612.741.795	71.055.793.362	6.506.351.172	1.215.935.104	-	91.390.821.433	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 01/01/2013	47.057.695.832	66.071.005.512	4.272.809.120	1.028.190.193	53.125.453	118.482.826.110	
Tại ngày 31/12/2013	44.278.765.469	55.188.412.611	3.288.768.697	528.015.369	-	103.283.962.146	

*Nguyên giá TSCĐ hình thành cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/01/2013 là 7.840.173.622 VND và tại ngày 31/12/2013 là 16.547.241.649 VND.  
 Giá trị còn lại của tài sản cố định đem cầm có thể chấp tại ngày 01/01/2013 là 98.204.437.404 VND và tại ngày 31/12/2013 là 106.623.014.281 VND.*



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Mẫu số B09 - DN

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	15.704.828.000	438.323.480	16.143.151.480
Tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	10.000.000	45.993.360	55.993.360
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	10.000.000	45.993.360	55.993.360
Tại ngày 31/12/2013	15.694.828.000	392.330.120	16.087.158.120
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2013	2.976.479.012	116.189.149	3.092.668.161
Tăng trong kỳ	424.119.083	46.160.381	470.279.464
- Khấu hao trong kỳ	424.119.083	46.160.381	470.279.464
- Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	28.873.706	28.873.706
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	28.873.706	28.873.706
Tại ngày 31/12/2013	3.400.598.095	133.475.824	3.534.073.919
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	12.728.348.988	322.134.331	13.050.483.319
Tại ngày 31/12/2013	12.294.229.905	258.854.296	12.553.084.201

Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã đem thế chấp tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng giá trị còn lại tại 01/01/2013 là 12.411.386.634 VND và tại ngày 31/12/2013 là 12.093.145.951 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Dự án Nhà máy tái chế phế liệu	13.636.363	13.636.363
Chi phí chế tạo máy hút liệu	6.799.100	6.799.100
Dự án xây dựng trụ sở, văn phòng tại 360 Giải Phóng, Hà Nội (*)	59.114.968.850	58.755.403.475
Dự án dây chuyền sản xuất tấm chống thấm	134.318.334	-
Dự án Chuỗi cách điện Silicon	20.318.520	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	88.857.876
Dự án cải tạo Văn phòng 300 B Nguyễn Tất Thành	525.839.440	-
<b>Cộng</b>	<b>59.815.880.607</b>	<b>58.864.696.814</b>

(\*) Đây là công trình Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/BS/HTĐT/KDBDS với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng I - Hà Nội về việc xác nhận số tiền góp vốn vào đầu tư xây dựng Dự án: "Trụ sở, văn phòng trung bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng - Hà Nội với tổng đầu tư xấp xỉ 500 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long góp 45%. Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long đã thực chi vào dự án với giá trị 1,2 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng đã góp 2 tỷ và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng I - Hà Nội đã góp 17 tỷ đồng.

**12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	27.491.960.799
Công ty Liên doanh TPC Vina	89.705.850.000	101.053.739.072
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	34.253.714.628	34.845.425.584
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	11.979.900.000	17.198.423.355
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	43.008.000.000	14.654.774.345
Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An	980.000.000	1.141.538.698
<b>Cộng</b>	<b>195.206.540.594</b>	<b>196.385.861.853</b>

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho vay Ông Nguyễn Quốc Nhựt	300.000.000	300.000.000
Cho vay Lê Thị Kim Phượng	-	6.300.000
Dự án xây dựng tại 360 Giải Phóng (*)	-	21.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Habeco (**)	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000</b>	<b>21.606.300.000</b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư xem thuyết minh 2.q

(\*\*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Habeco, với số lượng cổ phần tại ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013 là 30.000 cổ phần.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc	-	172.001.842
Chi phí vận chuyển máy móc	-	150.527.273
Chi phí đồng phục	-	58.018.030
Chi phí máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ	36.603.220	1.007.887.276
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, nhà xe	-	93.565.787
Chi phí thuê máy móc	1.988.431.456	5.139.021.247
Chi phí tiền thuê đất (i)	2.448.337.472	2.510.526.056
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định điều chỉnh theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	386.782.472	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	703.959.103	406.622.057
<b>Cộng</b>	<b>5.564.113.723</b>	<b>9.538.169.568</b>

(i) Hợp đồng thuê đất số 11/HĐTD giữa Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp và Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước với thời hạn thuê đến ngày 14/01/2055.

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	218.380.738.042	179.842.678.874
Vay ngắn hạn ngân hàng	192.367.346.435	156.636.047.689
Vay ngắn hạn VND	192.367.346.435	152.647.018.969
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	10.810.297.000	-
+ Ngân hàng NN & Phát triển Nông thôn VN	52.704.836.229	54.798.430.656
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.255.315.879	12.800.688.287
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.740.395.758	8.165.637.675
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	55.777.314.102	20.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	30.000.000.000	45.081.944.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	4.753.435.466
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	19.951.529.153	6.246.882.885
+ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.127.658.314	-
Vay ngắn hạn USD	-	3.989.028.720
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	3.989.028.720
Vay ngắn hạn cá nhân VND	26.013.391.607	23.206.631.185
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	10.225.811.571
- Vay tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam	-	9.938.613.171
- Vay tại các Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	-	287.198.400
<b>Cộng</b>	<b>218.380.738.042</b>	<b>190.068.490.445</b>

(1) Các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam căn cứ theo các hợp đồng vay như sau:

**(a) Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Tây**

Hợp đồng tín dụng số BIT.DN.22.110313/TT ngày 08 tháng 04 năm 2013. Thời gian hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp lô hàng hạt nhựa và số dư bảo lãnh L/C trả chậm tại một thời điểm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư 10.810.297.000 VND bao gồm 02 giấy nhận nợ với lãi suất là 9%/năm.

**(b) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn**

Hợp đồng tín dụng số 6220LDS201200217 ngày 01 tháng 03 năm 2012. Thời gian hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Phụ lục hợp đồng tín dụng số 6220L.DS201200217 ngày 01 tháng 03 năm 2013 thay đổi thời gian hiệu lực thêm 12 tháng. Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Lãi suất: 13%/năm, mức lãi suất này sẽ thay đổi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chợ Lớn ban hành từng thời điểm. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng một phần cho vay tín chấp, một phần có bảo đảm bằng tài sản thực hiện theo hợp đồng số 6220LCL201200 ngày 01 tháng 03 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư nợ 51.705.431.229 VND bao gồm 15 giấy nhận nợ với lãi suất 12%/năm.

**(c) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số PDBP.DN.01290513 ngày 31 tháng 05 năm 2013. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, mua bán sản phẩm và nguyên vật liệu nhựa. Thời gian hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay ghi trên mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản bao gồm bất động sản là nhà và đất, vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn, vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina, Vốn góp của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư nợ tiền Việt Nam đồng 30.000.000.000 VND bao gồm 07 khế ước nhận nợ với lãi suất 13%/năm.

**(d) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 706/2012/HĐ ngày 11 tháng 06 năm 2012, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 706/2012/HĐ ngày 11 tháng 06 năm 2013. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2014. Hạn mức vay 50.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm khoản vay bằng thế chấp



toàn bộ giá trị của 09 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như đã trình bày tại thuyết minh số 03 và 04. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư nợ 49.800.000.000 VND bao gồm 09 giấy nhận nợ với lãi suất 9%/năm.

**(2) Tại Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long**

**(a) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng**

Hợp đồng tín dụng số 791.13.061.35715.TD ngày 21/11/2013. Thời gian hiệu lực của hợp đồng: đến hết ngày 30/09/2014; Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng; Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Hình thức đảm bảo khoản vay: Quyền thuê đất và tài sản hình thành trên đất tại khu Công nghiệp Tiên Sơn Bắc Ninh thuộc sở hữu của Công ty CP Nhựa Thăng Long với giá trị 23.622.287.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư 19.951.529.153 VND bao gồm 26 giấy nhận nợ với lãi suất dao động từ 9% đến 12,5%/năm.

**(b) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương**

Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HỆTDHM/NHCT128-CTY CP NHUA THANG LONG ngày 19 tháng 08 năm 2013; Thời gian hiệu lực của hợp đồng: đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2014; Hạn mức tín dụng: 12.200.000.000 VND, đến hết 31 tháng 12 năm 2013 giảm xuống còn 10.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm; Hình thức đảm bảo khoản vay: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2012/NTL/HỆTCTS ngày 28 tháng 12 năm 2012 và hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2013-HỆTC/NHCT128-NHUA THANG LONG ngày 19 tháng 08 năm 2013 bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải kèm theo giấy tờ sở hữu tài sản và toàn bộ quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế với các đối tác lớn, truyền thống và có uy tín. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư 8.255.315.879 VND bao gồm 25 giấy nhận nợ với lãi suất là 11%/năm.

**(3) Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước**

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương**

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 092B13 ngày 21 tháng 11 năm 2013. Hạn mức cho vay: 15.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay 06 tháng theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất: 9%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường. Tài sản bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà bom) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA.163290, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT00822 so Số Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010 với giá trị 9.402.729.957 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư nợ là 10.740.395.758 VND bao gồm 13 hợp đồng tín dụng cụ thể với lãi suất 9%/năm.

**(4) Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang**

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang**

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 238/2013/HĐHM. Hạn mức cho vay: 6.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn rút vốn của hợp đồng: 30 tháng 04 năm 2014. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp, cầm cố tài sản bên vay và/hoặc bên thứ ba theo các hợp đồng đảm bảo đã đang và sẽ ký giữa bên vay và/hoặc bên thứ ba với Ngân hàng. Giá trị TS ĐB, phương thức xử lý TS ĐB thực hiện theo quy định tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư nợ là 5.977.314.102 VND bao gồm 8 hợp đồng tín dụng cụ thể với lãi suất 9%/năm.

**(5) Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một**

**(a) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo (Sacombank Hưng Đạo)**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: LD 1322700066 ngày 15 tháng 08 năm 2013. Thời hạn giải ngân của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay: xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Tài sản đảm bảo: Hàng hóa là hạt nhựa các loại được nhập khẩu hoặc mua nội địa thanh toán qua Sacombank - Chi nhánh Hưng Đạo với giá trị 28.572.000.000 VND. Tại ngày cuối kỳ số dư tiền vay tại Ngân hàng bao gồm 03 giấy nhận nợ tiền VND số dư nợ 2.770.068.500 VND với lãi suất dao động từ 11,5% đến 12% và 02 giấy nhận nợ USD số dư nợ 64.536,5 USD

với lãi suất dao động từ 4,0% đến 5,3%.

**(b) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201301356 ngày 28 tháng 10 năm 2013. Thời gian hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 VND hoặc bằng ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 02 tháng. Lãi suất tiền vay được thỏa thuận và ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên giấy nhận nợ quá hạn. Bảo đảm tiền vay: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-201300679 ngày 28/12/2013 với tổng giá trị được được thống nhất là 1.000.000.000 đồng bao gồm 01 ô tô con và 03 ô tô tải. Tại ngày cuối kỳ số dư tiền vay tại Ngân hàng bao gồm 02 giấy nhận nợ với số dư nợ 999.405.000 VND với lãi suất 11,5%.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.478.517.723	1.375.064.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.163.846	655.725.085
Thuế thu nhập cá nhân	676.325.788	693.813.969
Tiền thuê sử dụng đất tại Dự án Toàn nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng (*)	41.603.860.785	42.103.860.785
Các loại thuế khác	1.500.000	-
Các khoản khác phải nộp nhà nước (cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty)	9.986.916.209	9.986.916.209
+ Tiền sử dụng vốn Nhà nước từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2002 (**)	10.021.536.000	10.021.536.000
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo biên bản quyết toán thuế	18.384.722	18.384.722
+ Điều chỉnh giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Xi nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa số Một (theo biên bản quyết toán thuế tại Văn phòng Công ty)	53.804.513	53.804.513
+ Các khoản phải nộp khác	800.000	800.000
<b>Cộng</b>	<b>54.282.284.351</b>	<b>54.815.380.683</b>

Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(\*) Căn cứ tờ trình số 4842/TTrLN-STC-QLCS ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Liên ngành Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế Hà Nội; Công văn số 267/HĐND-KTNS ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc xác định giá thu tiền sử dụng đất dự án và Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc xác định giá thu tiền sử dụng đất Dự án Toàn nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với diện tích 1.683 m<sup>2</sup> tương ứng với số tiền sử dụng đất phải nộp 44.103.860.785 VND.

(\*\*) Theo Công văn số 1898/BTC-TCDN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc xử lý những vấn đề vướng mắc liên quan tới việc cổ phần hóa Công ty Nhựa Việt Nam. Căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty TPC Vina do Công ty TNHH KPMG kiểm toán khoản lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2008 là 10.030.423 USD. Phần tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty 15% vào liên doanh được xác định là doanh thu hoạt động tài chính sau khi trừ lại tiền thu sử dụng vốn Nhà nước phải nộp cho ngân sách do góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất từ 01 tháng 01 năm 1996 đến 01 tháng 01 năm 2002.

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	143.674.865
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	94.000.000	134.750.000
Phí hoa hồng phải trả Công ty CP Nhựa Vân Đồn	-	120.716.382
Phí hoa hồng phải trả Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số 1	-	402.189.282
Chi phí thuê nhà xưởng của Chi nhánh tại Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	-	912.000.000
Lãi vay phải trả	154.564.633	86.505.506
Cước vận chuyển	91.111.000	-
Chi phí phải trả khác	16.940.621	-
<b>Cộng</b>	<b>356.616.254</b>	<b>1.799.836.035</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	230.125.038	516.468.546
Kinh phí công đoàn	558.520.461	479.711.579
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	519.361.709	363.945.521
Phải trả về cổ tức - Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp Bộ Tài chính	20.879.143.040	20.879.143.040
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.477.908.658	2.201.893.581
Phải trả Nhà nước về Cổ phần hóa	41.836.122	-
Dự án Toàn nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán	40.898.798.413	40.898.798.413
+ Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng Investco (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Xây dựng 1 - Hà Nội (Investco1) (*)	17.898.798.413	17.898.798.413
+ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (*)	21.000.000.000	21.000.000.000
Tiền đặt cọc mua màng BOPP - Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Vân Đồn	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	-	21.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.078.544.318	686.123.780
<b>Cộng</b>	<b>65.684.237.759</b>	<b>87.526.084.460</b>

(\*) Đây là khoản tiền Công ty đã góp vào thực hiện dự án: "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng - Hà Nội với tổng đầu tư xấp xỉ 500 tỷ đồng.

**19. Phải trả dài hạn người bán**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tập đoàn Hợp tác Kinh tế kỹ thuật đối ngoại Thượng Hải Trung Quốc - SFECO	-	18.602.255.625
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>18.602.255.625</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**20. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn		
+ Vay ngân hàng	97.937.885.930	78.107.485.571
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 (*)	97.937.885.930	78.107.485.571
- Ngân hàng TMCP Quân đội (**)	97.506.509.930	77.997.651.196
	431.376.000	109.834.375
<b>Cộng</b>	<b>97.937.885.930</b>	<b>78.107.485.571</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 ngày 24 tháng 01 năm 2006. Mục đích vay cho dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in". Nguồn vốn là tín dụng ưu đãi của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đồng tiền vay, nhận nợ và trả nợ là đồng Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY). Tổng mức vốn cho tối đa không quá 49.010.105 CNY. Mục đích sử dụng tiền vay để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in". Công ty đã được giải ngân tổng cộng 16 lần chi tiết như sau:

**Các lần giải ngân từ lần 01 đến lần 06 và từ lần 08 đến lần thứ 14:**

Lãi suất cho vay 3,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Phí cho vay lại của Quỹ Hỗ trợ phát triển 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay đã bao gồm trong lãi suất cho vay (khoản phí cho vay lại phát sinh từ Hợp đồng ủy quyền số 01/2006/UQ/BTC-TCĐN ngày 04/01/2006 về việc cho vay lại nguồn vốn tín dụng ưu đãi Trung Quốc cho dự án "Đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in" ký giữa Bộ Tài chính và Quỹ hỗ trợ phát triển và được trả cùng thời điểm thu lãi theo nguyên tắc thu đủ số phí phát sinh trong kỳ. Lãi phạt chậm trả: 150% lãi suất cho vay tính trên số nợ gốc (gốc, lãi, phí cho vay lại) chậm trả.

Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 5 năm ân hạn tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Bên vay phải trả nợ gốc, lãi, phí cho vay lại 6 (sáu) tháng một lần vào các ngày 10 tháng 03 và 10 tháng 09 hàng năm. Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu vào kỳ thu nợ gần nhất kể từ sau khi kết thúc thời gian ân hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư nợ nguyên tệ 29.995.814,49 CNY tương đương 78.904.254.305 VND được trả từ năm 2014 đến năm 2021 hàng mỗi năm 3.999.442,92 CNY, riêng năm 2021 trả 1.999.720,96 CNY.

**Các lần giải ngân 07, 15 và 16:**

Đây là khoản được chuyển từ công nợ dài hạn phải trả nhà cung cấp Công ty đã theo dõi sang vay dài hạn theo Công văn số 1145/NHPT.SGDII-TDII ngày 02 tháng 08 năm 2013 các lần giải ngân 07, 15 và 16 đã được Ngân hàng ghi nhận nợ theo thông báo Ghi thu, Ghi chi theo ngân sách số 10369/02/2013 ngày 11 tháng 06 năm 2013 của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (thuộc Bộ Tài chính). Hiện Công ty đang làm thủ tục để ký nhận nợ với số vốn vay trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư nợ nguyên tệ 9.015.685,77 CNY tương đương 18.602.255.625 VND.

Hình thức đảm bảo khoản vay bằng tài sản thế chấp bao gồm các thiết bị máy móc thuộc một phần dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in" theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 02 tháng 03 năm 2009 và theo biên bản xác định lại tài sản thế chấp không số không ngày tháng 09 năm 2013 thì giá trị của tài sản mang thế chấp tính đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2013 46.829.058.963 VND. Công ty đang thực hiện thủ tục để lựa chọn trả nợ trước hạn đối với phần không có tài sản hoặc dùng tài sản hợp pháp khác để tăng giá trị tài sản thế chấp.

(\*\*) Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 912.13.061.35715.TD ngày 12/12/2013 với khoản tín dụng xác định có thời hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên với số tiền cam kết tối đa 431.376.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khâu khuôn kết bia. Lãi suất tại thời điểm nhận nợ theo khế ước số LD13355800794 ngày 24/12/2013 là 14,4%, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân. Ngày đáo hạn của hợp đồng: 24/12/2015. Thanh toán nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, số tiền thanh toán gốc hàng tháng là 17.974.000 VND. Tài sản thế chấp là khuôn kết bia chai (24 chai x 330ml) được thống nhất định giá là 40,850USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. HCM

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B09 - DN

**21. Vốn chủ sở hữu**  
**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND							
	1	2	3	4	5	6	7	8
A	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	194.289.132.796	190.096.831	297.002.497	(5.359.807.423)	685.624.540	113.853.526	(781.749.484)	189.434.153.283
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	880.694	-	-	-	880.694
- Lãi trong năm trước	-	-	-	6.417.366.135	-	-	9.715.207.980	16.132.574.115
- Tăng khác	-	-	-	12.407.124	29.196.493	29.196.493	157.141.054	227.941.164
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	1.898.324	-	-	193.800.000	195.698.324
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	3.558.727.617	-	-	21.000.000.000	24.558.727.617
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức đã chia/ đã công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	2.796	85.346.345	145.531.224	37.956.019	405.411.411	112.640.031	9.331.359.659	10.118.247.485
Số dư cuối năm trước	194.289.130.000	104.750.486	151.471.273	(2.527.735.430)	309.409.622	30.409.988	(21.434.560.109)	170.922.875.830
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	104.750.486	151.471.273	(2.527.735.430)	309.409.622	30.409.988	(21.434.560.109)	170.922.875.830
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	15.704.896	31.409.792	110.729.391	157.844.079
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	15.084.866.288	15.084.866.288
- Giám khác	-	-	-	-	16.500.000	-	1.646.886.804	1.663.386.804
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân bổ cho lợi ích có đóng	-	200.228.169	-	124.550.498	678.386.421	71.436.798	7.504.794.471	8.579.396.357
- Cổ tức đã chia/ đã công bố	-	-	-	-	-	-	1.637.562.034	1.637.562.034
Số dư tại ngày 31/12/2013	194.289.130.000	304.978.655	151.471.273	(2.403.184.932)	987.000.939	133.256.578	(32.188.351.373)	161.274.301.140

Công ty phân bổ lãi chênh lệch tỷ giá thiếu trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 là 300.398.117 VND vào kết quả hoạt động theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

37  
KẾ TÍNH TOÁN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu số B09 - DN

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	127.943.420.000	127.943.420.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.345.710.000	66.345.710.000
	<b>194.289.130.000</b>	<b>194.289.130.000</b>
	31/12/2013 Cổ phần	31/12/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	12.794.342	127.943.420.000
Vốn góp của các đối tượng khác	6.634.571	66.345.710.000
Cổ đông tổ chức (Bao gồm 09 Cổ đông)	2.336.000	23.360.000.000
Cổ đông cá nhân (Bao gồm 477 Cổ đông)	4.298.571	42.985.710.000
<b>Cộng</b>	<b>19.428.913</b>	<b>194.289.130.000</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966 thay đổi lần thứ 2 ngày 09/08/2011 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 VND. Trong khi số vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 194.289.130.000 VND, số vốn góp thiếu là 3.710.870.000 VND. Nguyên nhân là do Nhà nước thoái vốn căn cứ theo Công văn số 5477/BTC-TCDN ngày 24/04/2012 khoản chênh lệch 3.710.870.000 VND do xác định lại vốn Nhà nước theo Quyết định số 6248/QĐ-BTC ngày 28/11/2011 của Bộ Công thương về việc xác định phần vốn Nhà nước của Công ty Nhựa Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và Quyết định số 575/QĐ-BCT ngày 10/02/2012 của Bộ Công thương và Quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 khoản vốn Nhà nước được điều chỉnh giảm với cơ cấu Nhà nước nắm giữ 12.794.342 cổ phần, chiếm 66,85%; người lao động nắm giữ 171.000 cổ phần chiếm 0,88% và cổ đông bên ngoài nắm giữ 6.463.571 cổ phần chiếm 33,27%. Hiện Công ty đang thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.289.130.000	194.289.130.000
+ Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.132.796
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.796
+ Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	9.714.456.640

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**e. Các quỹ của Công ty**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	987.000.939	309.409.622
Quỹ dự phòng tài chính	133.256.578	30.409.987
<b>Cộng</b>	<b>1.120.257.516</b>	<b>339.819.609</b>

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Mẫu số B09 - DN*

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	906.961.489.374	1.208.038.442.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.185.578.721	17.053.597.438
<b>Cộng</b>	<b>924.147.068.095</b>	<b>1.225.092.040.104</b>
<b>23. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	875.062.424	3.441.344.915
Giảm giá hàng bán	481.072.545	-
Hàng bán bị trả lại	2.157.887.726	896.791.383
<b>Cộng</b>	<b>3.514.022.695</b>	<b>4.338.136.298</b>
<b>24. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	903.453.466.679	1.203.700.306.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.179.578.721	17.053.597.438
<b>Cộng</b>	<b>920.633.045.400</b>	<b>1.220.753.903.806</b>
<b>25. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	851.712.260.724	1.161.130.843.260
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.126.851.842	9.782.732.136
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	150.370.000
<b>Cộng</b>	<b>870.839.112.566</b>	<b>1.171.063.945.396</b>
<b>26. Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi tiền cho vay	740.410.472	1.951.322.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.090.337.253	6.933.948.072
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	134.115.287
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	223.403.617	26.646.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.033.254	84.646.596
Lãi bán hàng trả chậm	-	8.996.930.028
<b>Cộng</b>	<b>16.056.184.596</b>	<b>18.127.608.665</b>
<b>27. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	29.810.128.365	40.226.511.824
Lãi chậm thanh toán	2.798.970.697	9.637.508.360
Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng	-	(141.361.482)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.985.391.303	2.004.218.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	986.174.769	6.330.650.899
Chi phí tài chính khác	889.583	111.892.591
<b>Cộng</b>	<b>37.581.554.717</b>	<b>58.169.420.950</b>

13/12/2013  
 TUV  
 AC  
 AM

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu số B09 - DN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>28. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ bồi thường	-	26.170.898
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	39.145.300
Thu nhập khác	313.138.310	429.863.409
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem góp vốn	-	14.321.801.296
<b>Cộng</b>	<b>313.138.310</b>	<b>14.816.980.903</b>
<b>29. Chi phí khác</b>		
Nộp phạt vi phạm hành chính	13.282.579	3.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	34.877.744	-
Chi phí thuế TNCN vay cá nhân không thu hồi được	95.802.537	-
Chi phí khác	145.237.153	585.188.294
<b>Cộng</b>	<b>289.200.013</b>	<b>588.688.294</b>
<b>30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.245.473.141)	(11.002.950.201)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.831.800.384	13.026.226.745
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế (Cổ tức nhận được và lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện)	15.883.194.048	7.018.594.668
+ Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	698.993.100	6.330.650.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.544.160	6.330.650.899
Lãi tiền vay cá nhân vượt quá 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước	-	-
+ Cộng ảnh hưởng của việc hợp nhất báo cáo tài chính	33.016.001.332	13.714.170.514
Chi phí không tương ứng với doanh thu tính thuế	2.586.327.243	2.023.276.544
Chi phí của các hóa đơn không còn giá trị sử dụng	-	-
- Thu nhập tính thuế	2.586.327.243	2.023.276.544
- Thuế suất thông thường Công ty CP Nhựa Việt Phước	10%	10%
- Thuế suất thông thường các công ty khác	25%	25%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	772.638.793	420.064.987
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2012 được giảm 30%	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	772.638.793	204.025.537
- Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	<b>772.638.793</b>	<b>204.025.537</b>
<b>31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	221.835.404	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.155.081.050	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(933.245.646)</b>	<b>-</b>



**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên Cổ phiếu	(10.994.050.924)	(11.284.792.020)
Lãi suất phân chia cho cổ phiếu trong kỳ		
Lợi tức cổ phiếu ưu đãi trong kỳ		
Lợi tức cổ phiếu thường trong kỳ		
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	19.428.913	19.428.913
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(566)</b>	<b>(581)</b>

**33. Chi phí yếu tố**

	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	112.478.607.055
Chi phí nhân công	26.947.052.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.707.715.266
Chi phí mua ngoài	21.398.154.674
Chi phí bằng tiền khác	9.732.621.981
Chi phí dự phòng	2.669.970.418
<b>Cộng</b>	<b>187.934.122.162</b>

**34. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

	31/12/ 2013 VND	01/01/ 2013 VND
Các khoản vay	316.318.623.972	268.175.976.016
Trừ tiền và các khoản tương đương tiền	38.496.500.592	41.373.158.181
Nợ thuần	277.822.123.380	226.802.817.835
Vốn chủ sở hữu	161.274.501.140	170.922.875.830
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,72</b>	<b>1,33</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí), đối với từng loại tài sản chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.f.

**Các loại Công cụ tài chính.**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/ 2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.496.500.592	41.373.158.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.863.086.518	177.655.697.810
Đầu tư ngắn hạn	17.551.850.000	-
Đầu tư dài hạn	195.473.876.445	217.992.161.853
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>401.385.313.555</b>	<b>437.021.017.844</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	316.318.623.972	268.175.976.016
Phải trả người bán và phải trả khác	139.250.642.957	205.134.256.774
Chi phí phải trả	356.616.254	1.799.836.035
<b>Tổng cộng</b>	<b>455.925.883.183</b>	<b>475.110.068.825</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc bán niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	4.098.863.095	6.710.325.230	858.522.080
Euro (EUR)	-	-	4.331.312	2.195.173
Nhân dân tệ (CNY)	97.937.885.930	96.599.906.821	-	-
<b>Cộng</b>	<b>97.937.885.930</b>	<b>100.698.769.916</b>	<b>6.714.656.542</b>	<b>860.717.253</b>

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**Phân tích độ nhạy với ngoại tệ**

	31/12/ 2013	01/01/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	671.032.523	(324.034.102)
Euro (EUR)	433.131	219.517
Nhân dân tệ (CNY)	(9.793.788.593)	(9.659.990.682)
<b>Cộng</b>	<b>(9.122.322.939)</b>	<b>(9.983.805.266)</b>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài khoản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh.

Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013  
 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM  
 NH  
 HIỆ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

	Dưới 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.496.500.592	-	38.496.500.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.863.086.518	-	149.863.086.518
Đầu tư tài chính	17.551.850.000	303.815.340.312	323.367.190.312
Các khoản ký quỹ	2.262.311.692	-	2.262.311.692
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>208.173.748.802</b>	<b>303.815.340.312</b>	<b>513.989.089.114</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	-	-
Các khoản vay	218.380.738.042	97.937.885.930	316.318.623.972
Phải trả người bán và phải trả khác	140.209.525.127	18.721.255.625	158.930.780.752
Chi phí phải trả	356.616.254	-	356.616.254
Công nợ tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>358.946.879.423</b>	<b>116.659.141.555</b>	<b>475.606.020.978</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(150.773.130.621)</b>	<b>189.156.198.757</b>	<b>38.383.068.136</b>
	Dưới 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.373.158.181	-	41.373.158.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.655.697.810	-	177.655.697.810
Đầu tư tài chính	-	217.992.161.853	217.992.161.853
Các khoản ký quỹ	4.576.893.654	-	4.576.893.654
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>223.605.749.645</b>	<b>217.992.161.853</b>	<b>441.597.911.498</b>
<b>01/01/2013</b>			
Các khoản vay	190.068.490.445	78.107.485.571	268.175.976.016
Phải trả người bán và phải trả khác	187.242.658.249	18.735.255.625	205.977.913.874
Chi phí phải trả	1.799.836.035	-	1.799.836.035
Công nợ tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>379.110.984.729</b>	<b>96.842.741.196</b>	<b>475.953.725.925</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(155.505.235.084)</b>	<b>121.149.420.657</b>	<b>(34.355.814.427)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng các khoản thanh toán đến hạn sẽ được thanh toán thông qua việc đảo nợ thông qua việc tái toán hợp đồng vay cũ và ký kết hợp đồng vay mới và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tới và các kỳ tiếp theo.

### 35. Các bên liên quan

#### a. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan được xác định dựa trên mối quan hệ như sau với Công ty:

	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yout Chon Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Cổ đồng tổ chức
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An	Công ty liên kết

b. Giao dịch với các bên liên quan

Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền lương, phụ cấp	3.232.800.306	1.293.085.788
<b>Cộng</b>	<b>3.232.800.306</b>	<b>1.293.085.788</b>

c. Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch mua	Nội dung giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	Mua hàng	196.885.810	92.295.940
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	Mua hàng	17.016.227.300	60.208.720.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Mua hàng, phí hoa hồng vận chuyển, phí điện nước, phí đào tạo dạy nghề	43.222.286.690	12.663.961.208
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	Mua hàng, bù trừ công nợ, tiền lãi trả chậm	399.475.125.067	416.644.974.144
<b>Cộng</b>		<b>459.910.524.867</b>	<b>489.609.951.292</b>

Giao dịch bán	Nội dung giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	Bán hàng hóa	8.600.558.843	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Thuê máy móc, bù trừ công nợ, tiền lãi, bán hàng hóa, cho vay, cho mượn hàng	42.943.628.477	170.419.263.061
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Thuê máy móc, bán hàng hóa	3.383.677.717	1.651.670.518
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	Bán hàng hóa, cần trừ công nợ	63.107.445.656	54.609.230.000
Công ty Cổ phần SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Chuyển nhượng nhà xưởng, bán giao công nợ, bán giao tiền	-	3.340.837.468
<b>Cộng</b>		<b>118.035.310.693</b>	<b>230.021.001.047</b>

36. Thông tin bổ sung cho sự thay đổi số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh

(I) Số liệu báo cáo trước điều chỉnh và số liệu báo cáo sau điều chỉnh

a) Số liệu báo cáo trước điều chỉnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		31/12/ 2013	01/01/ 2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	44.684.237.759	66.526.084.460
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(15.859.897.306)	(434.560.109)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2013	Năm 2012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.056.184.596	39.127.608.665

*b) Số liệu báo cáo sau điều chỉnh*

NGUỒN VỐN	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	65.684.237.759	87.526.084.460
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(32.188.351.373)	(21.434.560.109)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2013	Năm 2012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.056.184.596	18.127.608.665

*(2) Thuyết minh kèm theo:*

Trong năm 2012 Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ghi nhận doanh thu từ việc chuyển nhượng dự án tại 360 Giải Phóng. Tuy nhiên đến năm 2013 khoản chuyển nhượng vốn này đã được chuyển cho công ty mẹ. Do đó báo cáo hợp nhất năm 2012 được điều chỉnh lại cho phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp nhất hiện hành.

Khoản mục báo cáo	Đơn vị tính: VND	
	Ảnh hưởng của sai sót đến Kết quả hoạt động kinh doanh 2012	Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2012
Doanh thu hoạt động tài chính	21.000.000.000	21.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối giảm	21.000.000.000	21.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác tăng	21.000.000.000	21.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	21.000.000.000	21.000.000.000

**37. Các cam kết**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11 tại trang 30, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BĐS ngày 09 tháng 01 năm 2008 và Hợp đồng bổ sung Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC số 01/HTĐT-KD BĐS số 01.bx/HTĐT-KD BĐS ngày 21 tháng 01 năm 2009 về việc cam kết góp vốn vào Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội với tổng vốn đầu tư 499,358 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000296 ngày 21/05/2009 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, số vốn Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long cam kết góp vào dự án còn 192,14 tỷ đồng.

**38. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phan Trung Nam

Tổng Giám đốc



The stamp is a red circular seal with the following text: "M.S.D.N: 0300381966-C.T.C.P", "CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM", and "QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH".

Lê Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ HOÀNG**